

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thùy
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
ĐỨC THUẬN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thùy
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thùy

Mã SV: 1412401031

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại

và đầu tư Đức Thuận.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.
 - Đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.
 - Số liệu về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 3 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 6 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,.....	2
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	2
TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	2
1.1 Tổng quan về doanh thu.....	2
1.1.1 Khái niệm.....	2
1.1.2 Điều kiện, thời điểm ghi nhận doanh thu.	2
1.1.3 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	4
1.2 Tổng quan về chi phí.....	6
1.2.1 Khái niệm.....	6
1.2.2 Các loại chi phí.	6
1.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.3.1 Khái niệm.....	7
1.3.2 Phân loại.	7
1.4 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	9
1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
1.5.3 Kế toán giá vốn bán hàng.....	14
1.5.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	18
1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	20
1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí khác.	23
1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	25
1.9 Các hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp.....	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN.	31
2.1 Tổng quan về công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.....	31
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	31
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.....	33
2.1.3 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	35

2.2	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.....	39
2.2.1	Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	39
2.2.1.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	39
2.2.1.2	Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.....	51
2.2.1.3	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	59
2.2.2	Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.....	66
2.2.3	Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	72
2.2.4	Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.	73
	CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI	82
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN	82
3.1	Đánh giá chung công tác kế toán.....	82
3.2	Một số giải pháp.....	83
3.2.1	Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.	83
3.2.2	Giải pháp 2: Thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.	85
3.2.3	Giải pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán.....	88
	KẾT LUẬN	90
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu sự tác động của các quy luật: quy luật giá trị; quy luật cung cầu; quy luật cạnh tranh... Các doanh nghiệp luôn đương đầu với bài toán sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã phải đẹp mà giá sản phẩm thì phải rẻ, phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng mà vẫn đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Để đạt được điều đó doanh nghiệp cần phải tổ chức và quản lý tốt công tác hạch toán kế toán đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bởi nó cho ta biết quá trình tiêu thụ sản phẩm, chi phí trong quá trình kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp đạt được.

Sau một thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận, kết hợp với những kiến thức đã tích lũy được trên giảng đường cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Phạm Văn Tường, em xin chọn đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận**" làm đề tài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận nội dung bài khóa luận của em gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1 Tổng quan về doanh thu.

1.1.1 Khái niệm.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định : " Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của các doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu".

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu(chiết khấu thương mại; giảm giá hàng bán; hàng bán bị trả lại).

1.1.2 Điều kiện, thời điểm ghi nhận doanh thu.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu

Để xác định và ghi nhận doanh thu các doanh nghiệp phải tuân theo những quy định trong chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- ✓ **Doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

✓ **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

✓ **Thu nhập khác:** Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

• **Thời điểm ghi nhận doanh thu:** Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

1.1.3 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu thuế GTGT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế GTGT.
- Với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.
- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng, không bao gồm số tiền thu được từ bán hàng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá tiền một lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kỳ), không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Lãi trả chậm, trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.
- Với doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Doanh nghiệp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính được xác định bằng tổng số tiền nhận trước chia cho số năm trả trước.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế); Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hoặc hàng đã bán bị trả lại được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm báo cáo tài chính kế toán phải coi đây là một sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC và ghi nhận giảm doanh thu trên BCTC của kỳ lập báo cáo.
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành BCTC thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.
- Không ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ đối với:
- + Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến; Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán);
 - + Số tiền thu được từ việc bán sản phẩm sản xuất thử;
 - + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính;
 - + Các khoản thu nhập khác.

1.2 Tổng quan về chi phí.

1.2.1 Khái niệm.

Theo chuẩn mực số 01 "Chuẩn mực chung " ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì " chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định".

1.2.2 Các loại chi phí.

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.
- **Chi phí quản lý kinh doanh :** gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
 - + **Chi phí bán hàng:** là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu bao bì; Chi phí dụng cụ đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ...
 - + **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý; Chi phí đồ dùng văn phòng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Thuế nhà đất; Tiền điện, nước...
- **Chi phí hoạt động tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...
- **Chi phí khác:** là các khoản chi phí và các khoản lỗ, sự kiện, nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính thường xuyên, bao gồm: Chi phí nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng; Bị phạt thuế...
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp.

-

1.3 Xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

1.3.2 Phân loại.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ hoạt} & & \text{bán hàng} & & \text{giảm trừ} & & \text{hàng bán} & & \text{quản lý} \\ \text{động sản xuất} & = & \text{và cung cấp} & - & \text{doanh thu} & - & & - & \text{kinh doanh} \\ \text{kinh doanh} & & \text{dịch vụ} & & & & & & \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và khoản chi phí tài chính.

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động khác và chi phí khác

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & = & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & + & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & + & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước thuế} & & \text{động SXKD} & & \text{động tài chính} & & \text{khác} \\ \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:} & & & & & & \end{array}$$

là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}}$$

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.4 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.4.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung và trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế, chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp.

Khi kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đưa ra số liệu chính xác giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra biện pháp, kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể, có hiệu quả ở kỳ sản xuất tiếp theo. Các nhà cung cấp, nhà đầu tư dựa vào đó để nắm bắt tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra quyết định kinh doanh của mình.

1.4.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: Ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: Ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: Ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng.

1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.**1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.****a. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu báo có
- Phiếu thu ...

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết ngân hàng
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511, 111, 112, 131...

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán.

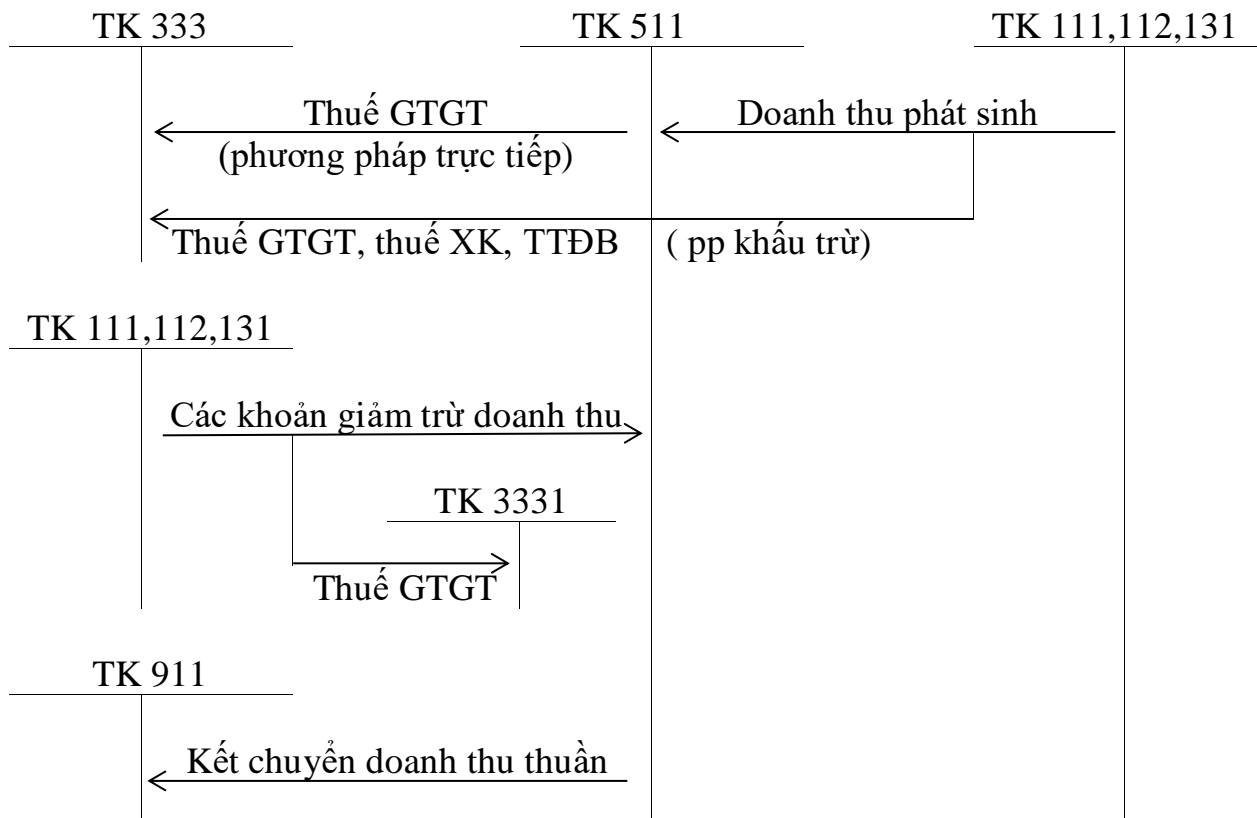
Tài khoản 511 có bốn tài khoản cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư lương thực, ...
- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây lắp, ...
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, ...
- TK 5118 – Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, ...

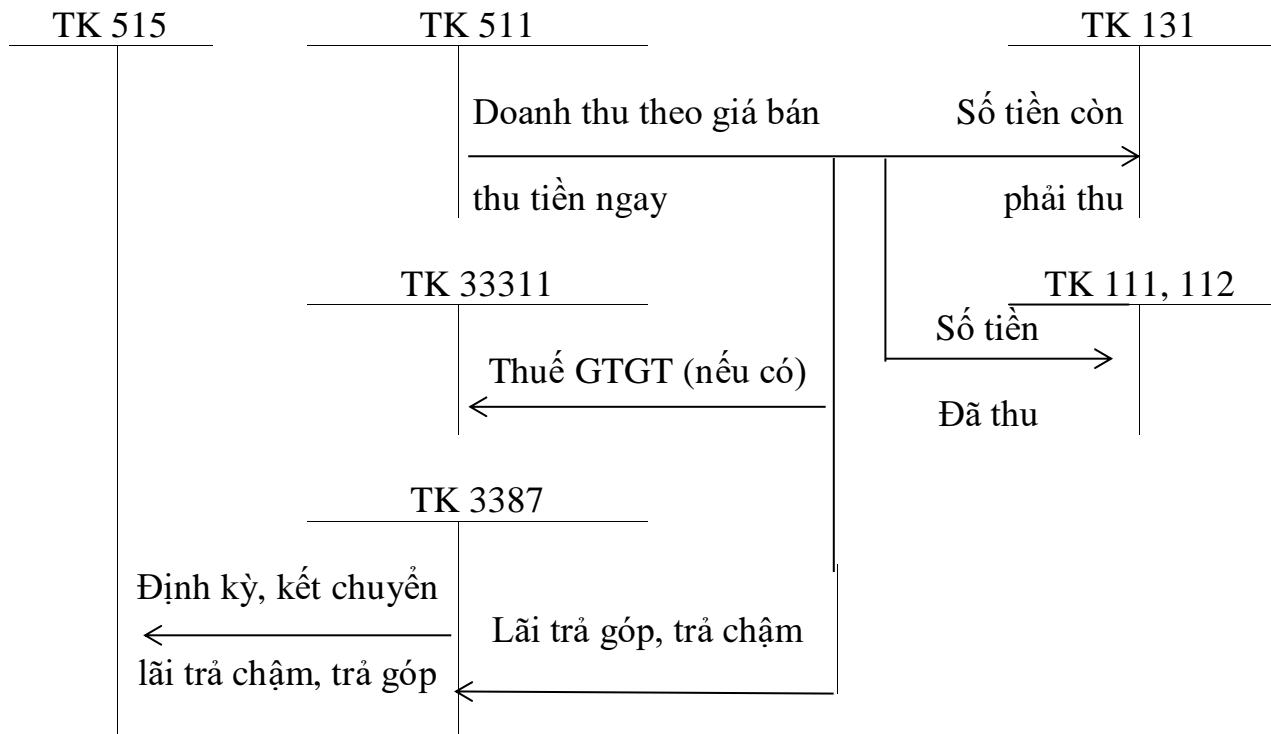
Kết cấu

Nợ	TK511	Có
-Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB,...) - Các khoản giảm trừ doanh thu(hàng bán bị trả lại; Giảm giá hàng bán...) - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911.		- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng SPS giảm		Tổng SPS tăng

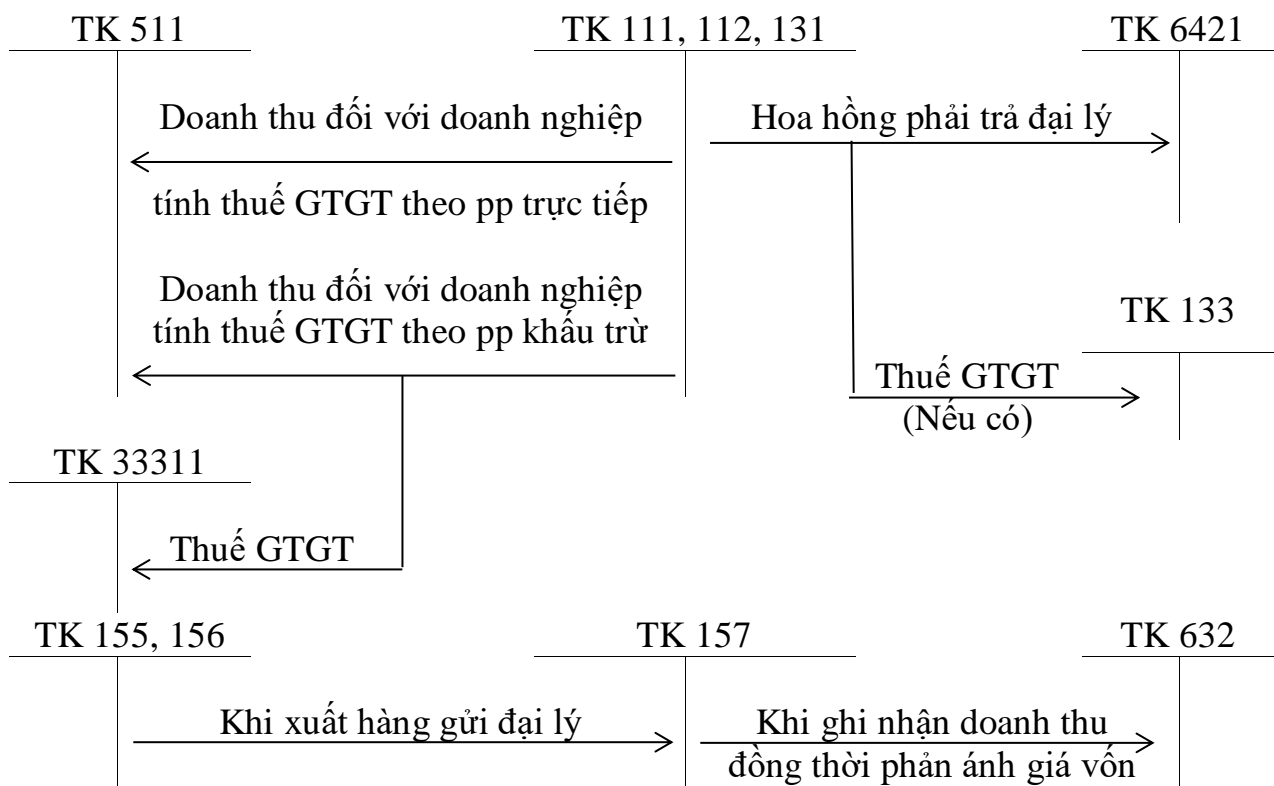
d. Phương pháp hạch toán



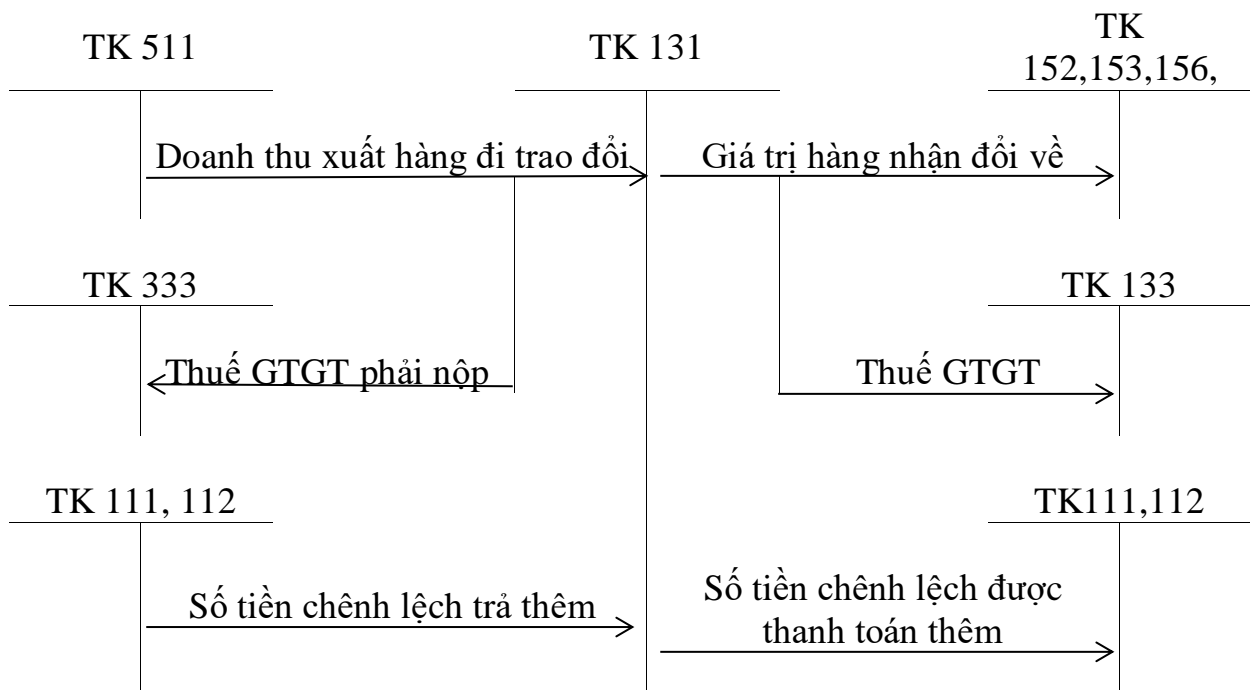
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trả chậm, trả góp.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý)



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp hàng đổi hàng

1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

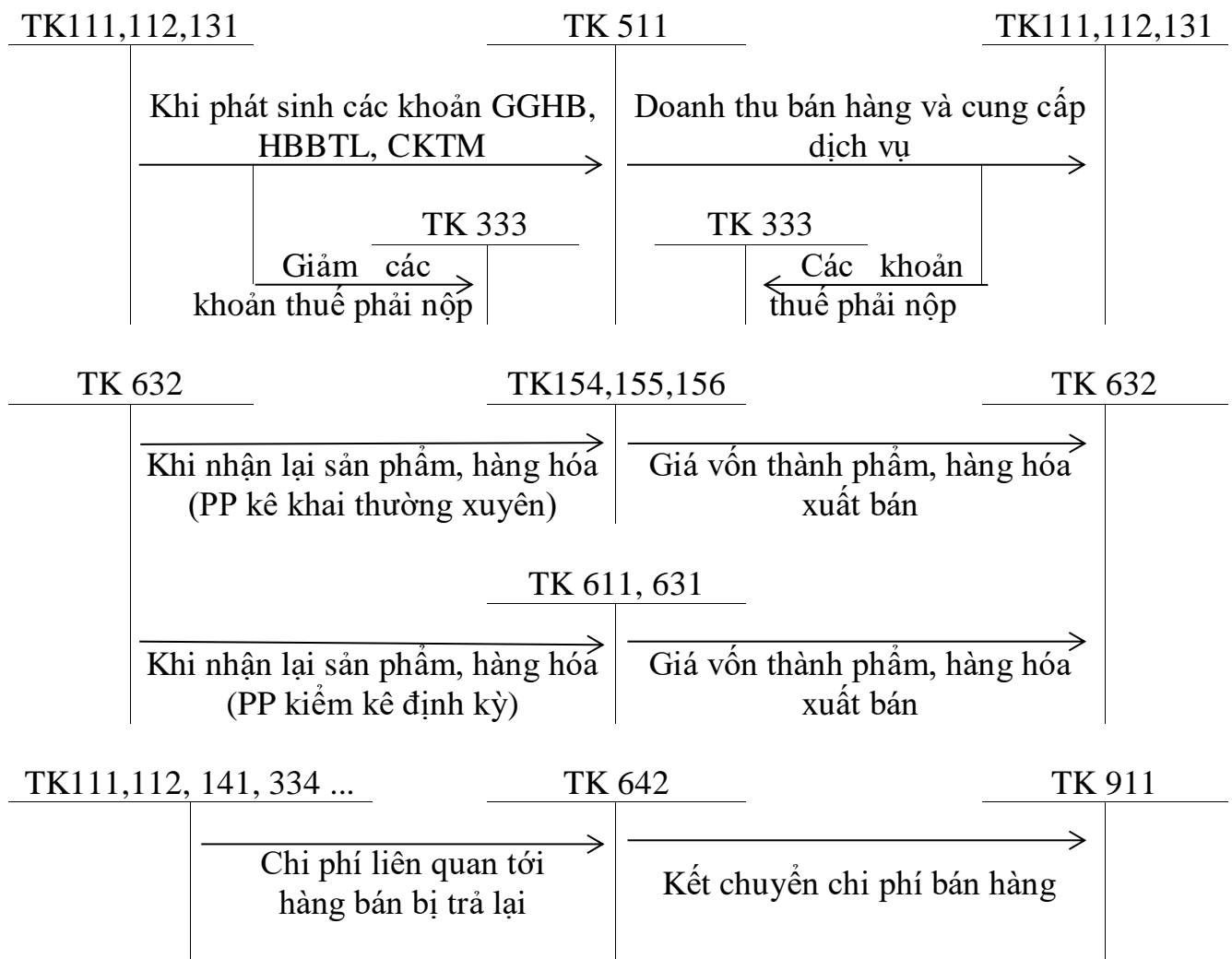
a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Phiếu chi, giấy báo nợ...

b. Tài khoản sử dụng:

Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính thì tài khoản 521 – tài khoản giảm trừ doanh thu đã bị xóa bỏ; Khi phát sinh các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.3 Kế toán giá vốn bán hàng.

a. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

- Phương pháp giá thực tế đích danh: Sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

- Ưu điểm: tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Nhược điểm: Đòi hỏi điều kiện khắt khe, những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này.

- Phương pháp bình quân gia quyền: Với phương pháp này có 2 cách tính đơn giá vốn hàng xuất kho:

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:* là phương pháp tính giá vốn hàng hóa xuất bán cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

$$\begin{aligned} &\text{Đơn giá xuất kho} \\ &\text{bình quân gia} \\ &\text{quyền của 1 loại} \\ &\text{sản phẩm} \end{aligned} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.

+Nhược điểm: Số liệu không cập nhật, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới tiến độ các phần hành khác; phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:* Trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

$$\begin{aligned} &\text{Đơn giá xuất} \\ &\text{kho lần thứ } i \end{aligned} = \frac{\begin{aligned} &\text{Trị giá hàng hóa vật tư} \\ &\text{tồn trước lần nhập thứ } i \end{aligned} + \begin{aligned} &\text{Trị giá vật tư hàng hóa} \\ &\text{nhập lần thứ } i \end{aligned}}{\begin{aligned} &\text{Số lượng vật tư hàng} \\ &\text{hóa tồn trước lần nhập} \\ &\text{thứ } i \end{aligned} + \begin{aligned} &\text{Số lượng vật tư hàng hóa} \\ &\text{nhập lần thứ } i \end{aligned}}$$

+Ưu điểm: Khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

+Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn sức.

⇒ Phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, lưu lượng xuất nhập ít. Đặc biệt áp dụng trong kế toán máy.

- Phương pháp FIFO(nhập trước xuất trước): Áp dụng dựa trên giả định là hàng được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn cuối kỳ là những hàng hóa nhập sau. Vì vậy giá vốn hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hóa nhập trước.

+Ưu điểm: Tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+Nhược điểm: Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.

b. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

c. Tài khoản sử dụng.

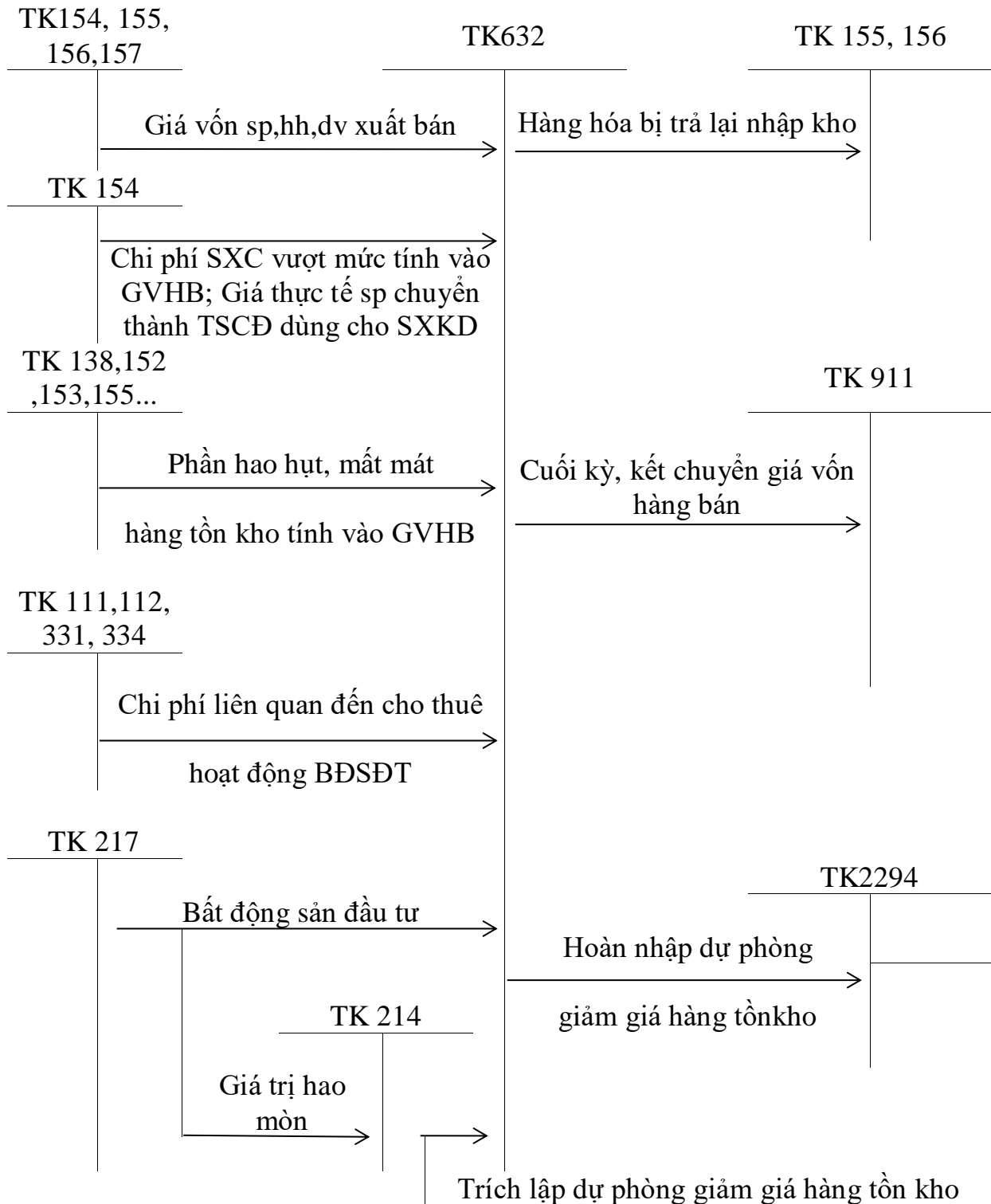
TK 632 – Giá vốn hàng bán : Dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp(đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, ...

Kết cấu

Nợ	TK 632	Có
-Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ.		-Kết chuyển giá vốn hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định tiêu thụ.
-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
		-Kết chuyển giá vốn của hàng đã xuất bán vào Nợ TK911
Tổng SPS tăng		Tổng SPS giảm

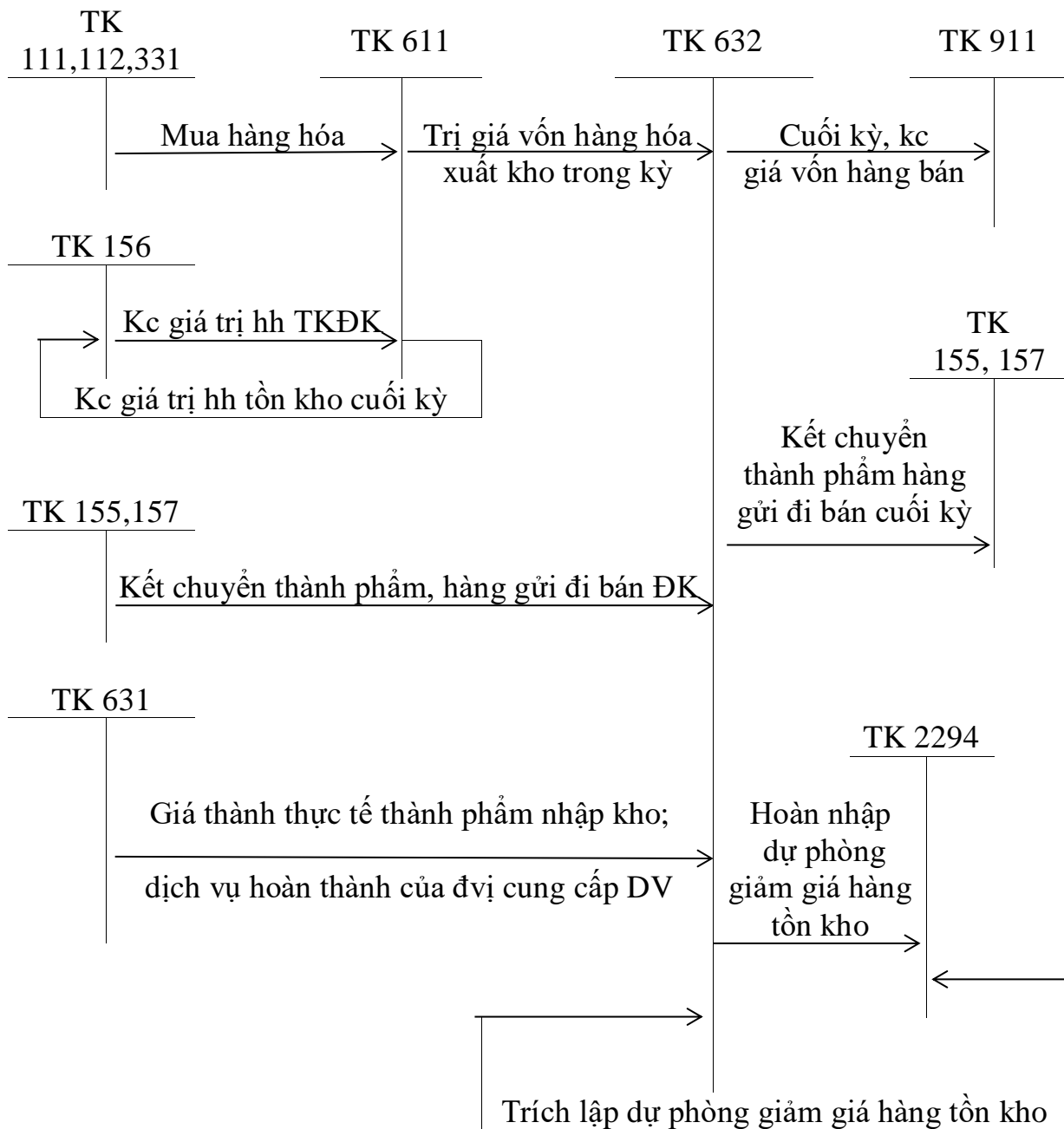
d. Phương pháp hạch toán.

- Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

a. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ NVL, CCDC.
- Phiếu chi ...

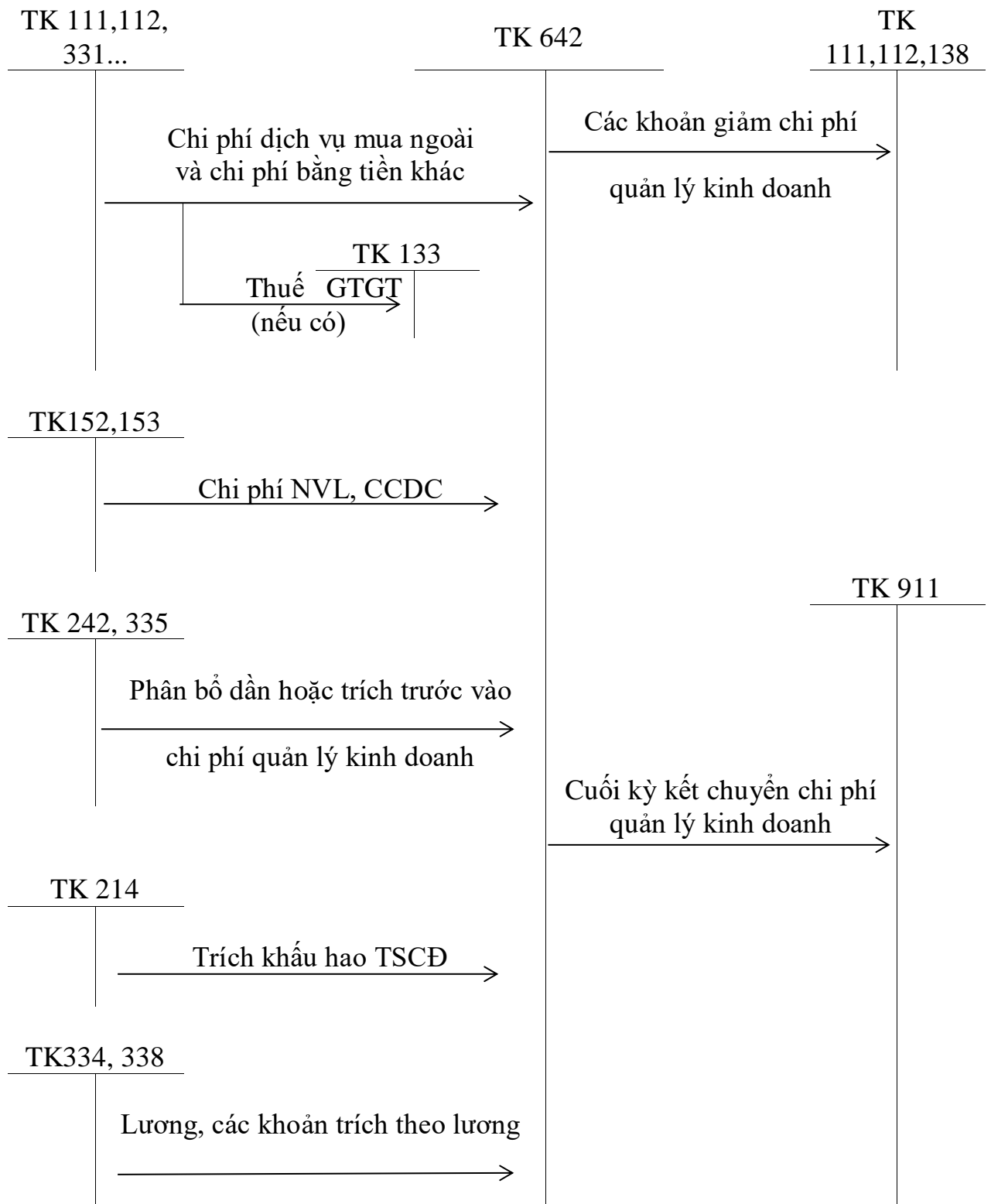
b. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh: Dùng để phản ánh các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh doanh nghiệp.
- Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bao gồm: chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm; hoa hồng bán hàng; Chi phí bảo quản, đóng gói; lương nhân viên bộ phận bán hàng; khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; ...
 - Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Bao gồm: lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng; Khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Dịch vụ mua ngoài(điện, nước...); Chi phí bằng tiền khác(tiếp khách,...)

• Kết cấu:

Nợ	TK642	Có
-Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		-Các tài khoản ghi giảm chi phí kinh doanh. -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. -Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "xác định kết quả kinh doanh".
Tổng SPS tăng		Tổng SPS giảm

c. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

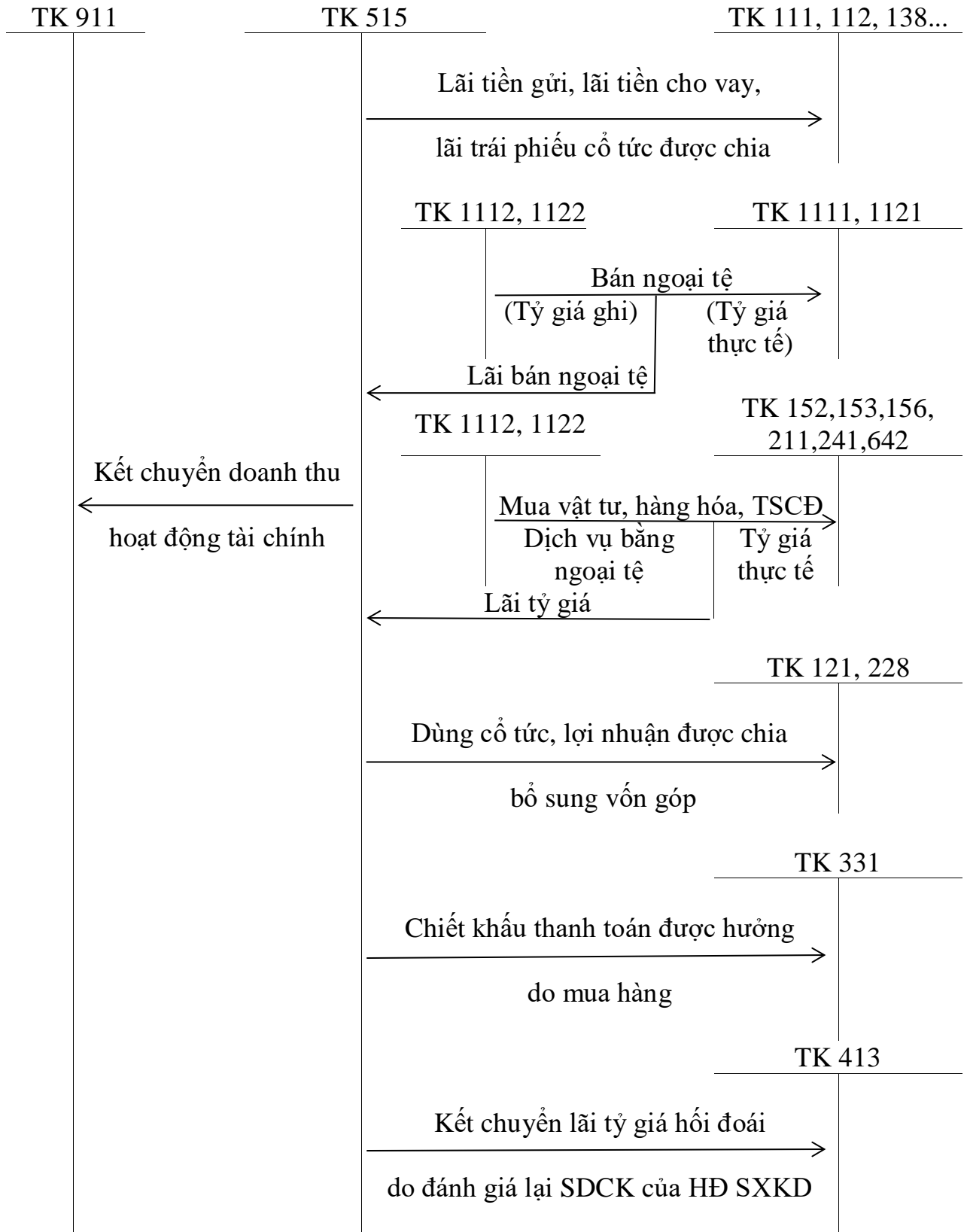
- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính: Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Nợ	TK 515	Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có)		-Các khoản doanh thu HĐTC phát sinh trong kỳ(Tiền lãi; cổ tức, lợi nhuận được chia; ...)
-Kết chuyển doanh thu HĐTC thuần sang TK 911		
Tổng SPS giảm		Tổng SPS tăng

- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính: Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính; Chiết khấu thanh toán cho người mua; Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Chi phí giao dịch bán chứng khoán; Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ;...

Nợ	TK 635	Có
-Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ(lãi tiền vay; lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán...)		-Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
-Trích lập dự phòng bổ sung giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.		-Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.
		-Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ CPTC phát sinh trong kỳ sang TK 911
Tổng SPS tăng		Tổng SPS giảm

c. Phương pháp hạch toán:

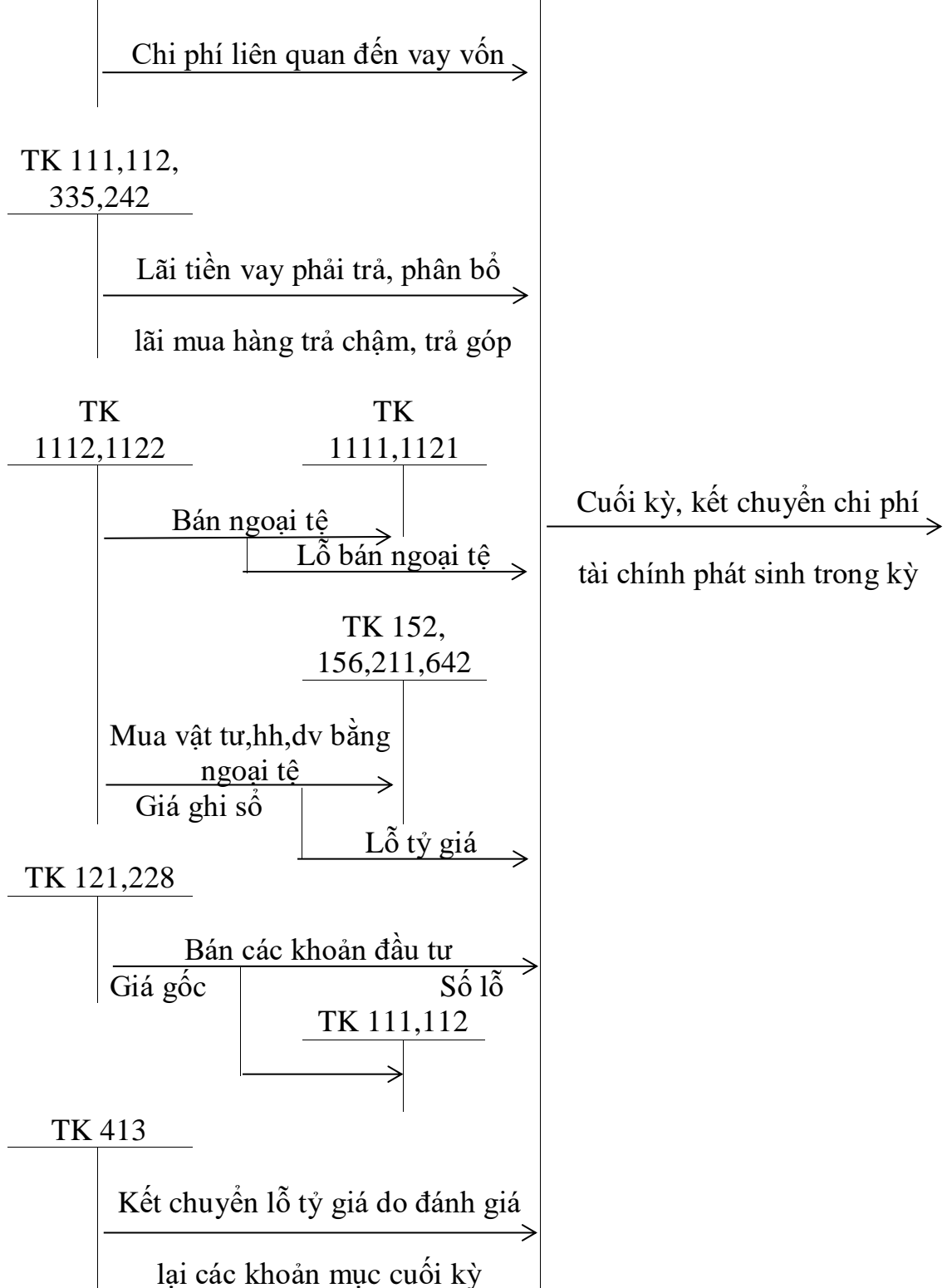


Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

TK 111, 112

TK 635

TK 911



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí khác.

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Biên bản góp vốn kinh doanh.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng:

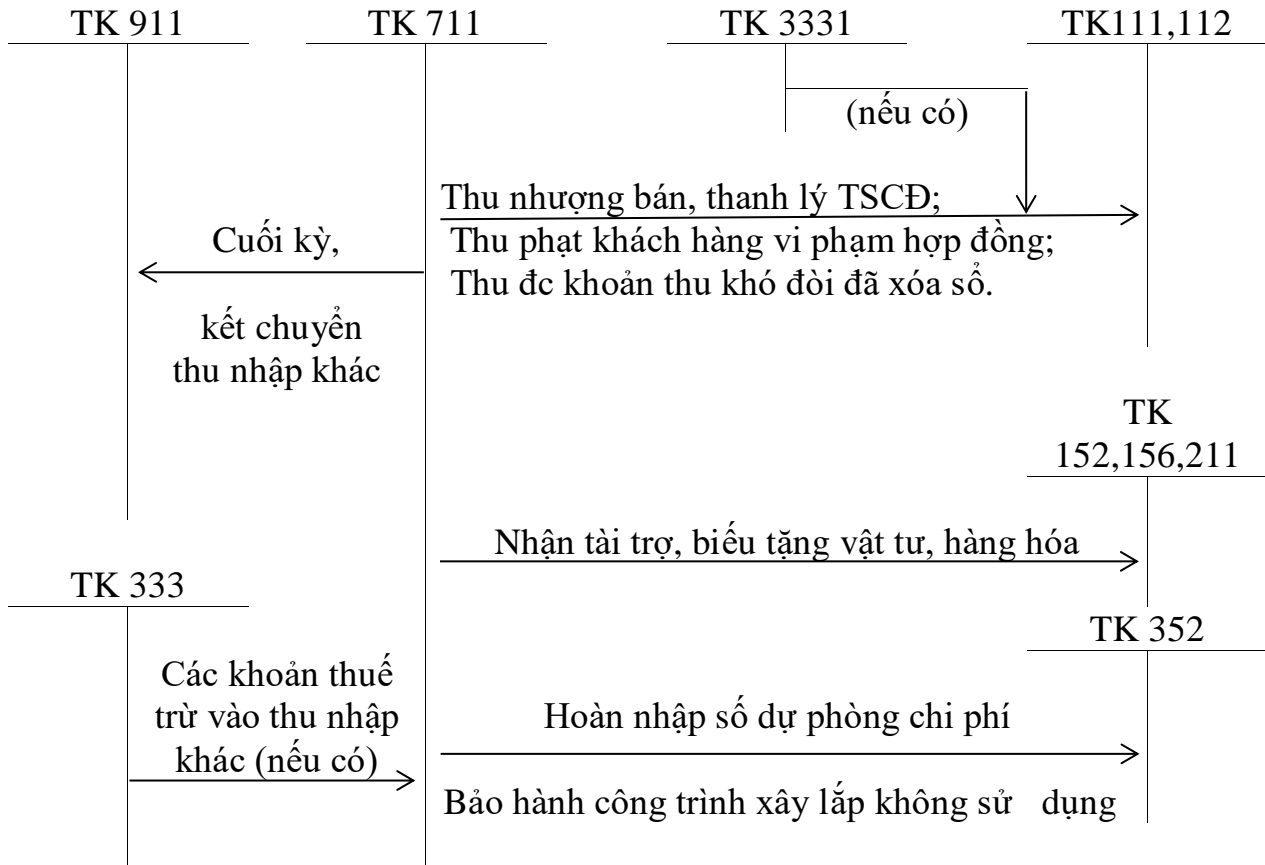
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác: Dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp (Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; ...)

Nợ	TK 711	Có
-Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo pp trực tiếp -Cuối kỳ, kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào TK 911		-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ(Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;...)
Tổng SPS giảm		Tổng SPS tăng

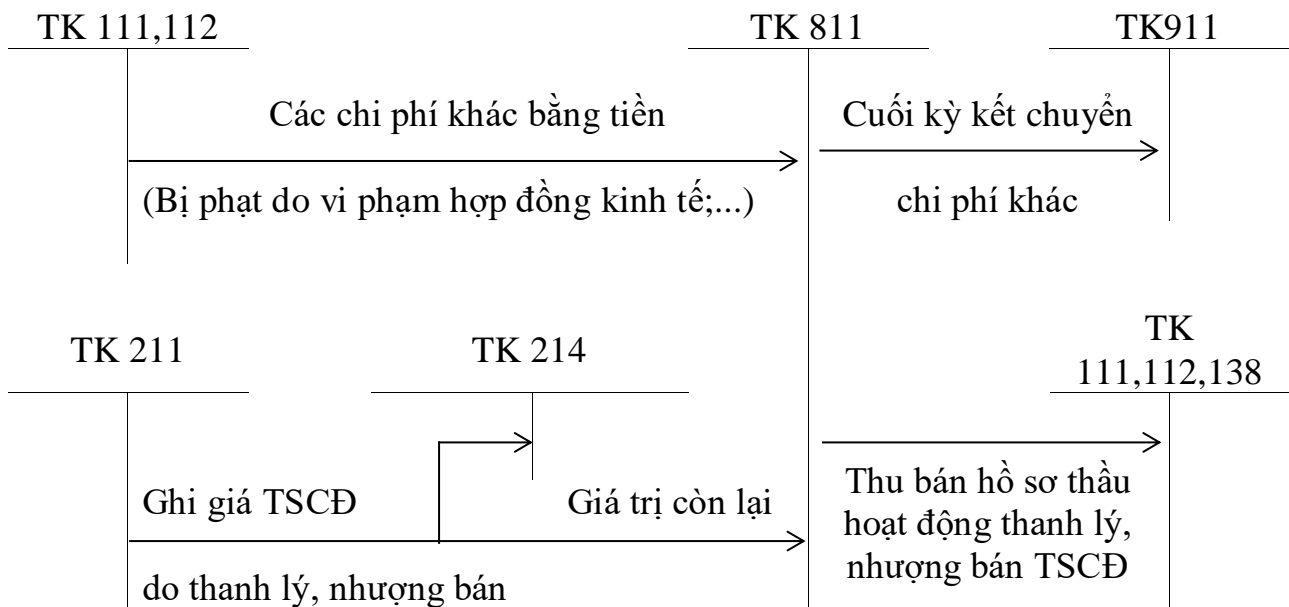
- Tài khoản 811 – Chi phí khác: Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp (Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính; Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;...)

Nợ	TK 811	Có
-Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		-Cuối kỳ, kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào TK 911
Tổng SPS tăng		Tổng SPS giảm

c. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kê toán

b. **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh: Dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Nợ	TK 911	Có
-Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán; -Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác; chi phí quản lý kinh doanh; chi phí thuế TNDN; -Kết chuyển lãi.		-Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, dịch vụ đã bán -Kết chuyển doanh thu HĐTC, thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. -Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

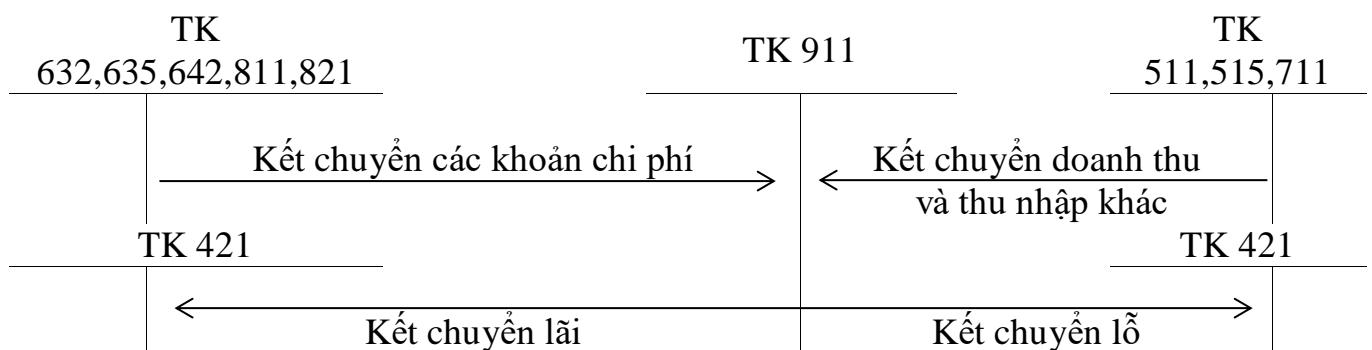
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Nợ	TK 821	Có
-Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm; -Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.		-Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm . -Số thuế TTDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước. -Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK911
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối: Dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.
 - Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:
 - + 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
 - + 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
 - Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 421	Có
-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. -Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. -Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. -Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. -Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. -Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù. -Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

Phương pháp hạch toán:



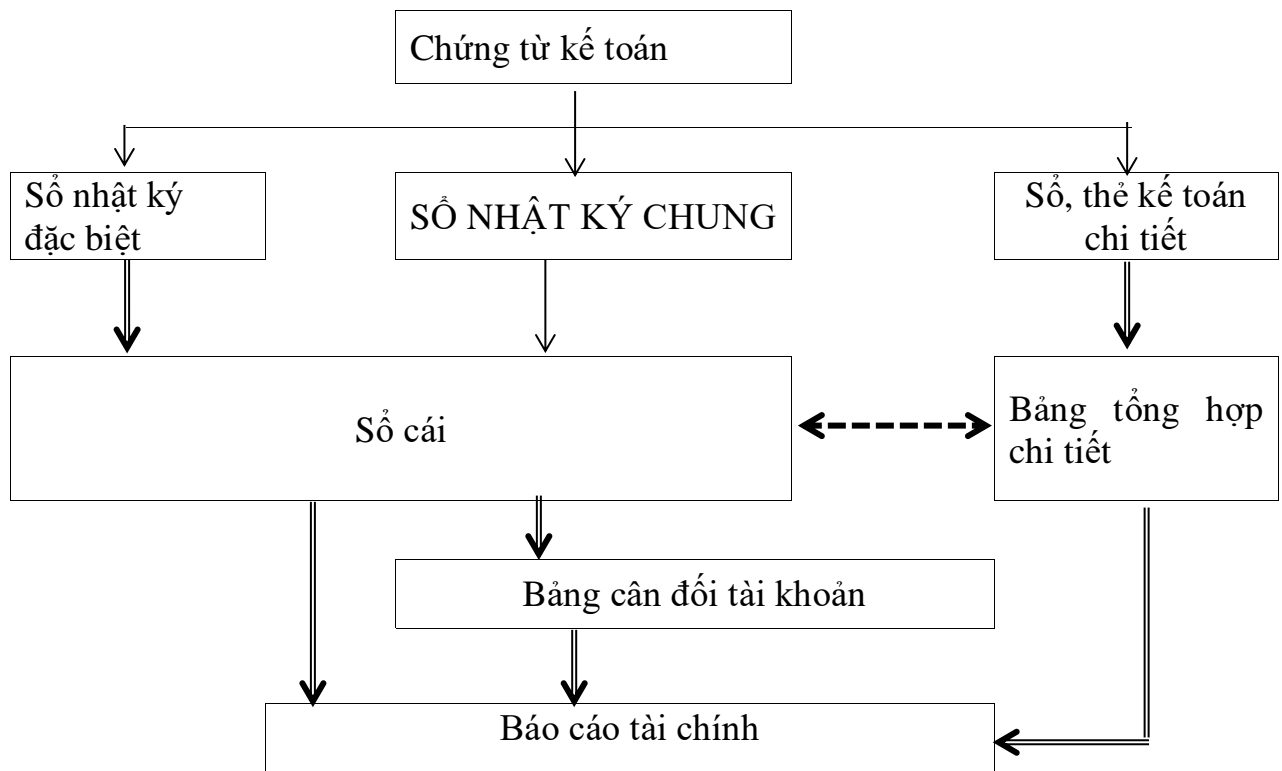
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.9 Các hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp.

Theo khoản 1 phụ lục 4 thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính (thay thế QĐ 48/2006), hình thức sổ kế toán bao gồm các hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán máy.

Hình thức kế toán Nhật ký chung.



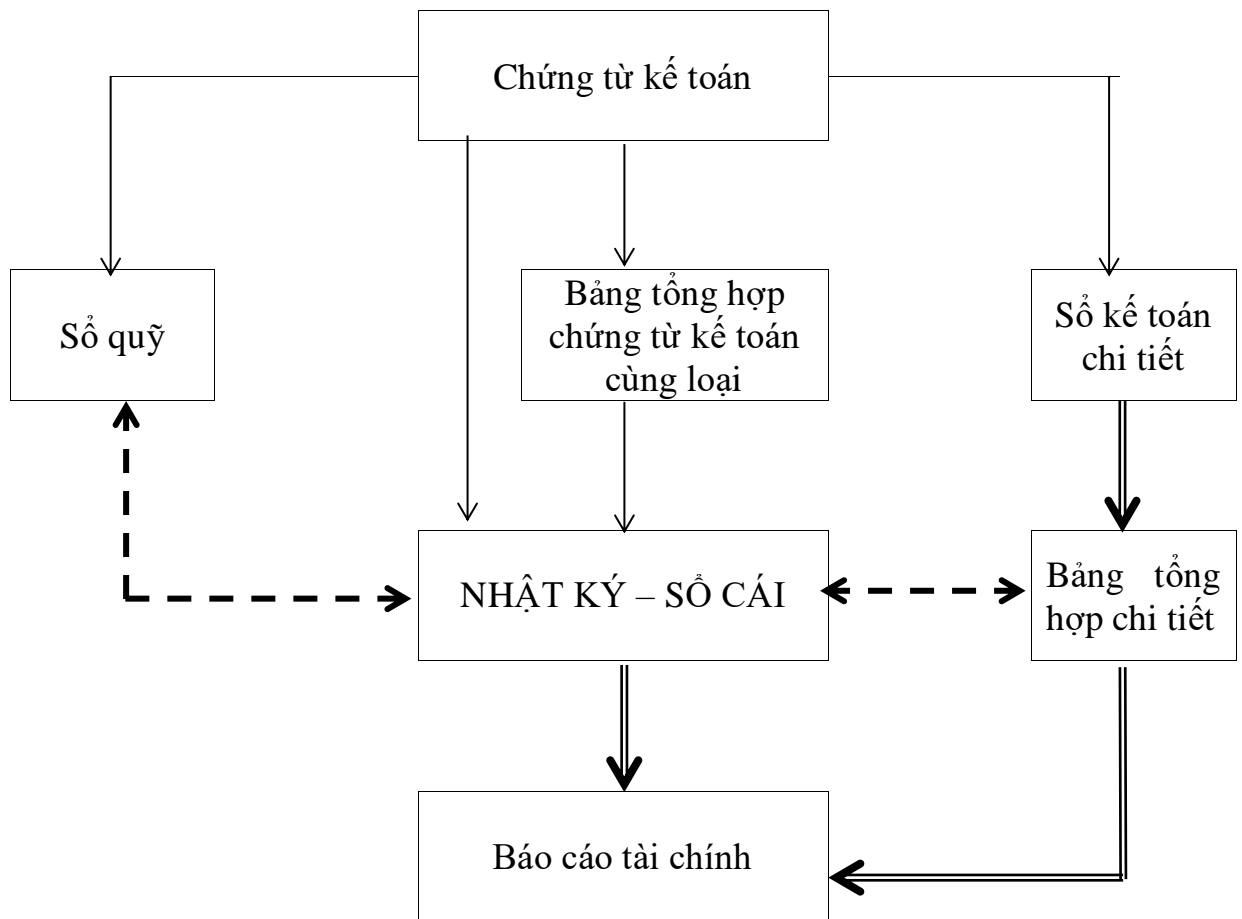
Ghi chú: Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

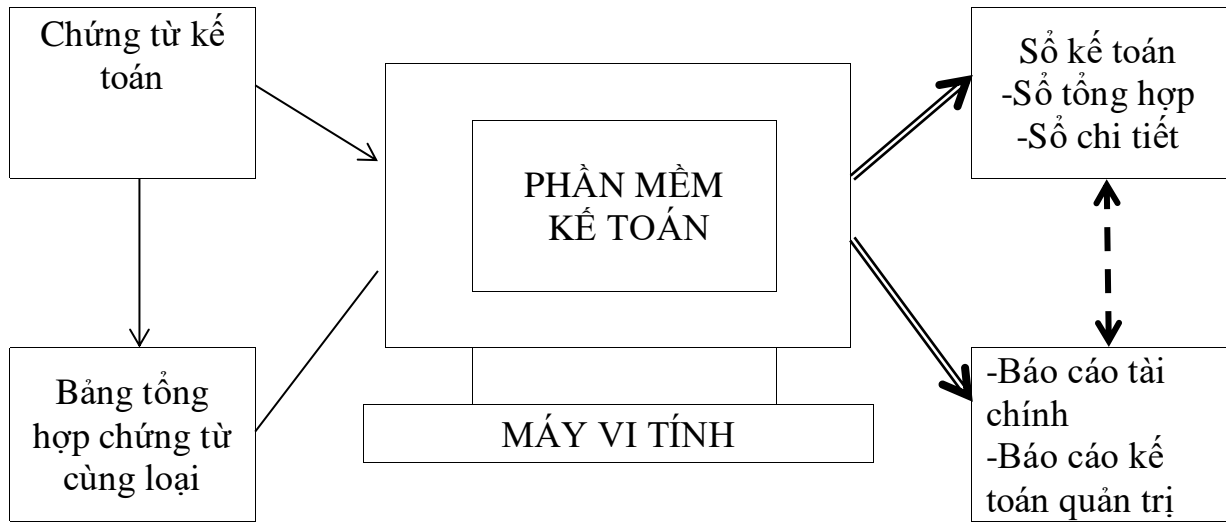
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.



- Ghi hàng ngày:
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:
- Ghi chú:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán máy.



Nhập số liệu hàng ngày: —————→
 Ghi chú: In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ══════════→
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ← - - - - →

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN.

2.1 Tổng quan về công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận được thành lập theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201114737 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010. Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN.

Trụ sở chính: Số 167A Trần Nguyên Hãn, Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: Số 564 đường Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0201114737

Điện thoại: 02253857542

Vốn điều lệ: 12.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 12.500

Số cổ phần được quyền chào bán: 0

Người đại diện pháp luật: *Giám đốc* Nguyễn Thị Thanh Huyền

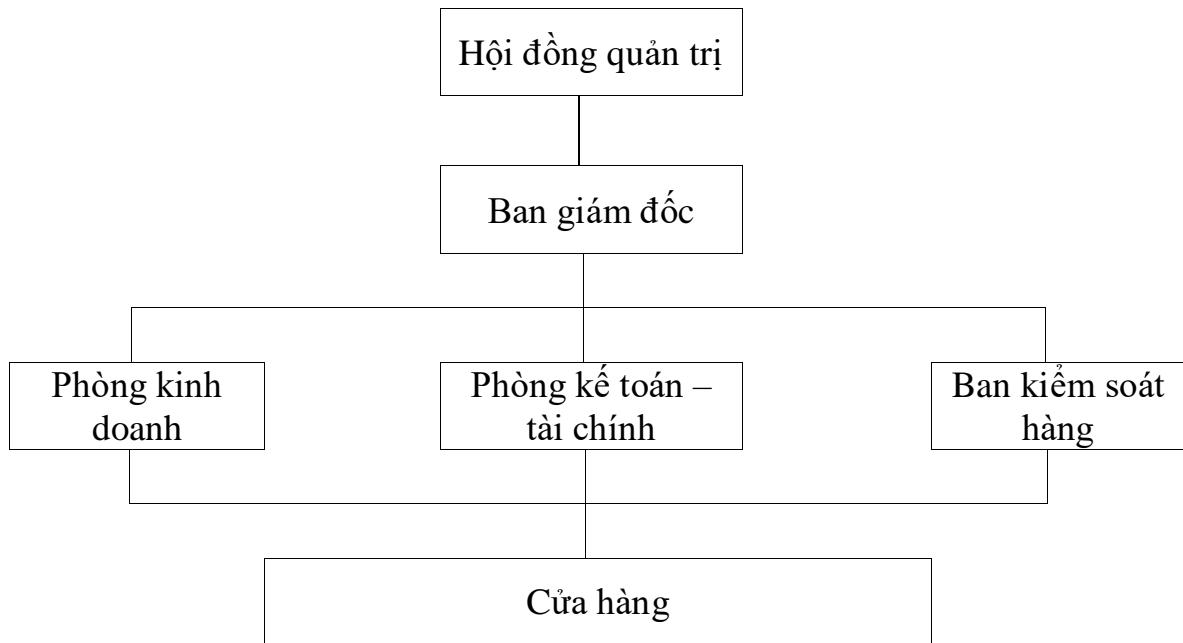
Ngành nghề chính: Bán vật liệu xây dựng

Danh sách cổ đông sáng lập:

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức.	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập
1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500	1.500.000.000	12	031015446
			Tổng số	1.500	1.500.000.000	12	
2	Nguyễn Xuân Hòa	Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.000	7.000.000.000	56	030954980
			Tổng số	7.000	7.000.000.000	56	
3	Vũ Thị Yên	Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	2.000.000.000	16	030188393
			Tổng số	2.000	2.000.000.000	16	
4	Bùi Việt Cường	Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	1.000.000.000	8	030991813
			Tổng số	1.000	1.000.000.000	8	
5	Hoàng Yến	20/282 Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	1.000.000.000	8	031229239
			Tổng số	1.000	1.000.000.000	8	

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

Các phòng ban chức năng đều có quan hệ chặt chẽ, cung cấp số liệu cho nhau nhằm đạt được mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý của công ty, nhân danh công ty để đưa ra các quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty.

Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quy định; Giám sát, chỉ đạo giám đốc và người quản lý quan trọng...

• **Ban giám đốc** : là người điều hành hoạt động sản xuất hàng ngày của công ty; chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động của công ty, về kế hoạch mục tiêu, chiến lược của công ty. Ban giám đốc có nhiệm vụ: Lập phương án, bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, bổ nhiệm và bãi nhiệm chức danh quản lý; Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của điều lệ công ty, báo cáo trước hội đồng quản trị tình hình tài chính, kết quả kinh doanh...

• **Phòng kinh doanh** : Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đáp ứng nhu cầu hoạt động của công ty, giải quyết và tập hợp các thủ tục cần thiết cho các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng và tìm nguồn hàng cũng như các mối tiêu thụ hàng. Phối hợp với phòng kế toán để xác lập tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế và việc thu nợ.

• **Phòng kế toán – tài chính** :

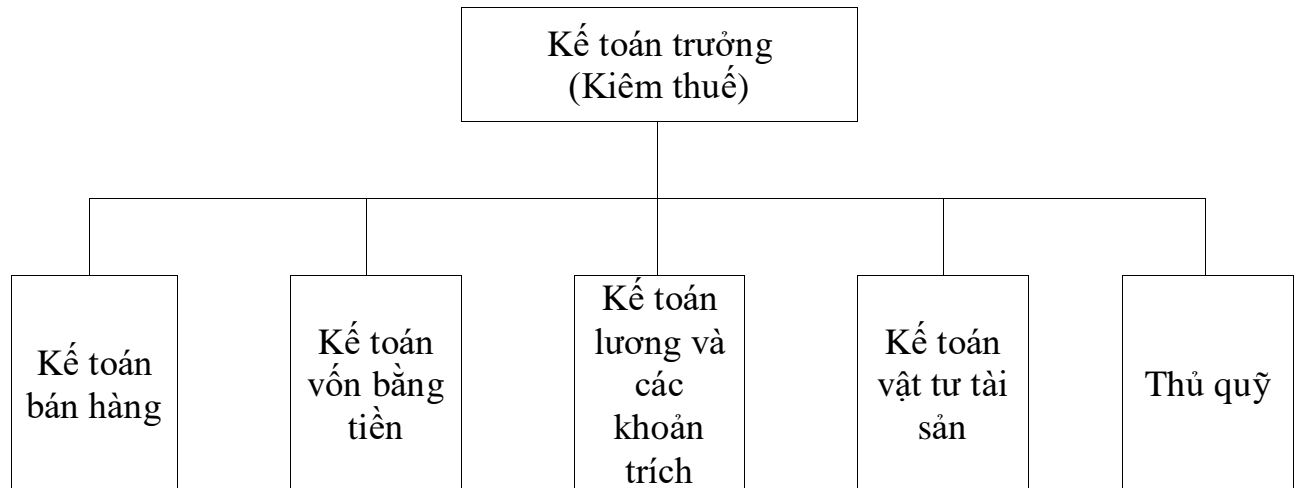
- Chịu trách nhiệm ghi chép tính toán và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ, trung thực các số liệu về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh, phải lập các bảng thanh quyết toán công khai toàn bộ tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Phòng kế toán - tài chính có chức năng tham mưu cho giám đốc về mặt thống kê và tài chính, chịu trách nhiệm quản lý tài sản, vật chất, hạch toán kinh tế theo quy định của nhà nước, quy chế của công ty.
- Đề xuất lên giám đốc phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo tình hình hoạt động tài chính để kịp thời điều chỉnh quá trình kinh doanh của công ty.
- Khai thác nhằm bảo đảm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

• **Bộ phận kiểm soát hàng** : Kiểm tra số lượng hàng nhập, xuất, hàng tồn kho... giám sát và kiểm tra chất lượng hàng hóa , kiểm vận chuyển.

• **Cửa hàng** : Bán vật liệu xây dựng

2.1.3 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

a. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận



Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

- Kế toán trưởng (kiêm thuế) : Là người được bổ nhiệm đứng đầu phòng kế toán – tài chính chịu trách nhiệm trước giám đốc và công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp. Ngoài ra cuối tháng dựa trên số liệu kế toán viên cung cấp lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra, đầu vào của công ty.

Nhiệm vụ:

- Điều hành mọi việc của phòng kế toán tài chính.
- Cuối năm lập và phân tích báo cáo tài chính.
- Trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc.
- Phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị. Tư vấn cho giám đốc các biện pháp tiết kiệm chi phí và thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước.

- Kế toán bán hàng

Nhiệm vụ :

- Theo dõi chi phí, tình hình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh.
- Ghi chép phản ánh kịp thời các thông tin giao nhận hàng hóa hàng ngày.
- Kiểm tra số lượng, đơn giá của từng sản phẩm, đốc thúc công nợ và quản lý tiền hàng
- Quản lý hợp đồng giao dịch với khách hàng, cập nhập giá và sản phẩm mới.
- Đối chiếu với kế toán vật tư tài sản về số lượng xuất, nhập, tồn vào cuối ngày.

- Kế toán vốn bằng tiền

Nhiệm vụ :

- Ghi chép các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi, các khoản vay và trả nợ.
- Theo dõi tình hình biến động về vốn của doanh nghiệp.
- Cuối tháng cùng kế toán trưởng kiểm kê tiền mặt tại quỹ.

- Kế toán lương và các khoản trích theo lương :

Nhiệm vụ:

- Theo dõi tình hình biến động của nhân viên trong công ty.
- Hàng ngày chấm công cho công nhân viên.
- Hàng tháng lập bảng lương và bảng phân bổ lương.
- Thực hiện các khoản trích theo lương theo chế độ hiện hành.

- Kế toán vật tư tài sản

Nhiệm vụ :

- Theo dõi tình hình biến động vật tư tài sản, tính giá trị thực tế của vật tư tài sản.
- Kiểm kê và theo dõi hàng tồn kho.
- Quản lý và theo dõi tình hình tài sản cố định của doanh nghiệp.

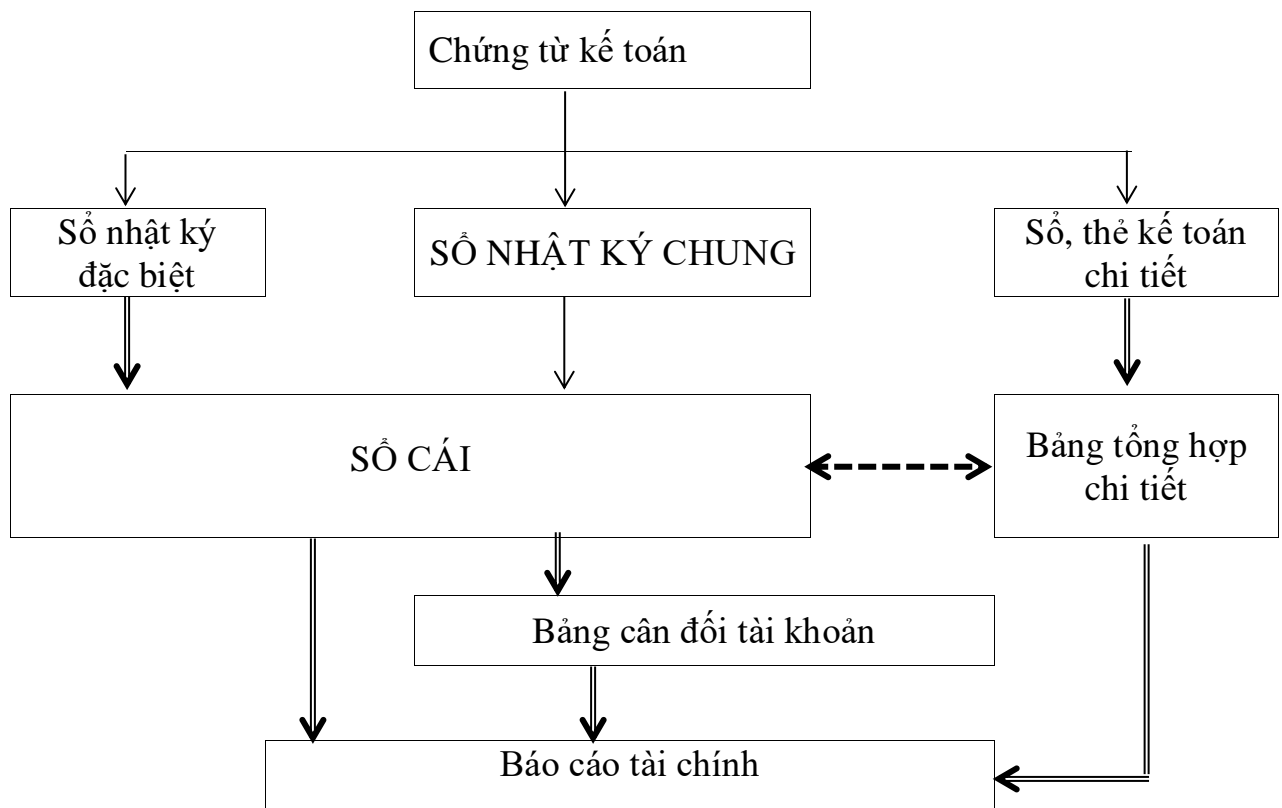
- Thủ quỹ

Nhiệm vụ:

- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt.
- Kiểm tra, phân loại, sắp xếp tiền mặt.
- Kiểm tra, lưu trữ chứng từ thu chi tiền mặt.
- Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày.
- Thực hiện các công việc khác do kế toán trưởng và giám đốc giao cho.

b. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ 01/01/N và kết thúc ngày 31/12/N dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Trước 01/01/2017 Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Từ 01/01/2017 Công ty áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Nhập trước xuất trước(FIFO)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : Phương pháp đường thẳng
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow - - - \longrightarrow$

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu:
 - + Sổ nhật ký chung;
 - + Sổ cái;
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký Chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu tiền.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

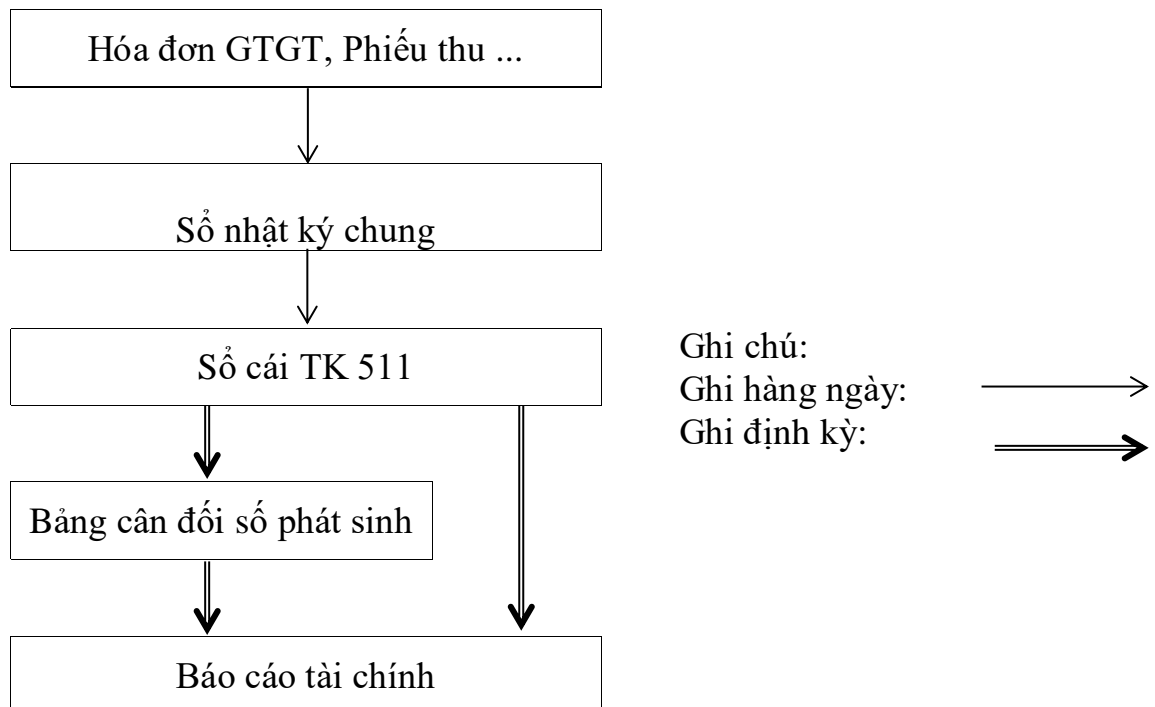
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái tài khoản...

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Ví dụ 01:

Dựa theo hợp đồng mua bán hàng hóa Số 307/2017/HĐMB

Ngày 04/09/2017 Xuất kho 5000 kg Tôn mạ màu bán cho Hùng Nam, khách hàng chưa thanh toán.(giá chưa VAT 27.500đ/kg).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000904(Biểu 02) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 07) theo bút toán:

Nợ TK 131 : 151.250.000

Có TK 511 : 137.500.000

Có TK 3331: 13.750.000

Biểu 01: Trích hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----oOo-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA
Số 307 /2017 /HĐMB

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Công ty CPXD TM&ĐT Đức Thuận Chúng tôi gồm có:
BÊN MUA: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Hùng Nam
Địa chỉ: Quốc lộ 5A, Bần Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên.
Điện thoại: 0321943461 Mã số thuế: 0900198112
Đại diện bởi: Giám đốc Ngô Tuấn Nam
Tài khoản số: 102010000354938 Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN BÁN: Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Địa chỉ: 564 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
Điện thoại: 0313857542 Mã số thuế: 0201114737
Đại diện bởi: Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tài khoản số: 111000063736 Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Sau đây gọi tắt là Bên B

Hai bên A và B thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:
Điều 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ GIÁ CẢ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
01	Tôn mạ màu	Kg	5000	27.500	137.500.000
Cộng tiền hàng:					137.500.000
Thuế suất GTGT/VAT:10%					Tiền thuế GTGT: 13.750.000
Tổng cộng tiền thanh toán					151.250.000

ĐIỀU 2: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
Tổng số tiền Bên Mua phải Thanh toán cho Bên Bán là: 151.250.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.)
Giá trên bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Thời hạn thanh toán: 45 ngày kể từ ngày Bên B giao hàng.
(Ngày được tính bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ, ngày tết)
Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
Khi Bên A thanh toán tiền hàng, Bên B có nghĩa vụ ghi hoá đơn, chứng từ chứng nhận việc đã thanh toán của Bên A theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 3:
.....

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN ĐẠI DIỆN BÊN MUA

Ví dụ 02: 05/09/2017 Xuất kho 15.400 kg Tôn mạ màu bán cho Thủy Đức Thịnh, thanh toán bằng chuyển khoản. Giá chưa VAT 27.500/kg.

Căn cứ vào HĐ 0000905 (Biểu 03) và giấy báo có (Biểu 04) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 07) theo bút toán:

Nợ TK 112: 465.850.000
 Có TK 511: 423.500.000
 Có TK 3331: 42.350.000

Biểu 03: Hóa đơn GTGT 0000905

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/17P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000905		
Ngày 05 tháng 09 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận					
Mã số thuế: 0201114737			Điện thoại: 0313857542		
Địa chỉ: 564 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản: 111000063736					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Cơ Khí Thủy Đức Thịnh					
Mã số thuế:			Điện thoại: 0313835939		
Địa chỉ: 45/5A Phạm Phú Thứ - Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
01	Tôn mạ màu	Kg	15.400	27.500	423.500.000
Cộng tiền hàng:					423.500.000
Thuế suất GTGT/VAT: 10%					Tiền thuế GTGT:
					42.350.000
Tổng cộng tiền thanh toán					465.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 04: Giấy báo có

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh: 16498 – CN LE CHAN – HOI SO



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 05 tháng 09 năm 2017

Kính gửi : CÔNG TY CPXD THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN

Mã số thuế: 0201114737

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 111000063736

Số tiền bằng số: 465.850.000

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng.

Nội dung: CK Thủy Đức Thịnh trả tiền hàng Đức Thuận.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 03: 08/09/2017 bán 200kg tôn mạ màu cho anh Trần Lâm với giá 27.500đ/kg (chưa VAT), thu ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ 0000915 (Biểu 05) và phiếu thu (Biểu 06) kê toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 07) theo bút toán:

Nợ TK 111: 6.050.000

Có TK 511: 5.500.000

Có TK 3331: 550.000

Biểu 05: Hóa đơn GTGT 0000915

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/17P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000915			
Ngày 08 tháng 09 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận					
Mã số thuế: 0201114737		Điện thoại: 0313857542			
Địa chỉ: 564 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản: 111000063736					
Họ tên người mua hàng: Trần Lâm					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:		Điện thoại:			
Địa chỉ: Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
01	Tôn mạ màu	Kg	200	27.500	5.500.000
Cộng tiền hàng:					5.500.000
Thuế suất GTGT/VAT: 10%					Tiền thuế GTGT: 550.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.050.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 06: Phiếu thu

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 08 tháng 09 năm 2017

Quyển số: 03

Số: 019

Nợ 111 : 6.050.000

Có 511 : 5.500.000

Có 3331: 550.000

Họ và tên người nộp tiền: Trần Lâm

Địa chỉ:

Lý do nộp: Mua tôn

Số tiền: 6.050.000

(Viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 9 năm 2017

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

Biểu 07: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
				
PXK 904	04/09	Xuất kho bán hàng	632 156	109.372.500	109.372.500
HĐ0000904	04/09	Bán hàng cho Hùng Nam	131 511 3331	151.250.000	137.500.000 13.750.000
PXK905	05/09	Xuất kho bán hàng	632 156	332.640.000	332.640.000
HĐ0000905	05/09	Bán hàng cho CK Thủy Đức Thịnh	112 511 3331	465.850.000	423.500.000 42.350.000
.....		
PXK915	08/09	Xuất kho bán hàng	632 156	4.320.000	4.320.000
HĐ0000915	08/09	Bán hàng	111 511 3331	6.050.000	5.500.000 550.000
.....		
HĐ0000923 GBC	18/9	Bán hàng cho Xuân Hồi	112 511 3331	408.707.750	371.552.500 37.155.250
.....		
		TỔNG		576.429.271.317	576.429.271.317

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 07) kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu 08):

Biểu 08: Trích sổ cái tài khoản 511

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....		
HĐ0000904	04/09	Bán hàng cho Hùng Nam	131		137.500.000
HĐ0000905 GBC	05/09	Bán hàng cho CK Thủy Đức Thịnh	112		423.500.000
.....		
HĐ0000915 PT019/03	08/09	Bán hàng cho anh Lâm	111		5.500.000
.....		
HĐ0000923 GBC	18/09	Bán hàng cho Xuân Hồi	112		371.552.500
HĐ0000924 PT026/03	20/09	Bán hàng cho chị Vy	111		10.312.500
.....		
PKT31	31/12	Kết chuyển DTBH	911	88.559.018.730	
		Cộng số phát sinh		88.559.018.730	88.559.018.730
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 09: Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Hùng Nam

Năm 2017

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					433.578.682	
08/01	HĐ0000013	08/01	Bán 7800kg tôn	511		210.600.000		644.178.682	
08/01	HĐ0000013	08/01	Bán 7800kg tôn	3331		21.060.000		665.238.682	
.....				
04/09	HĐ0000904	04/09	Bán 5000kg tôn	511		137.500.000		317.411.000	
04/09	HĐ0000904	04/09	Bán 5000kg tôn	3331		13.750.000		331.161.000	
.....				
			SPS trong kỳ			2.419.380.311	2.525.481.699		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					327.477.294	

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 10: Bảng tổng hợp phải thu của khách hàng

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Mã KH	Tên khách hàng	Tồn đầu kỳ		Số phát sinh		Tồn cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
HN	Công ty TNHH TM&SX Hùng Nam	433.578.682		2.419.380.311	2.525.481.699	327.477.294	
TĐT	Công ty TNHH Cơ Khí Thủy Đức Thịnh	217.495.326		1.837.229.517	1.789.377.533	265.347.310	
TT	Công ty TNHH Toàn Thắng	572.419.533		3.787.369.852	3.799.753.159	560.036.226	
.....
	Tổng	2.006.095.009		13.356.272.375	11.764.130.185	3.598.237.199	

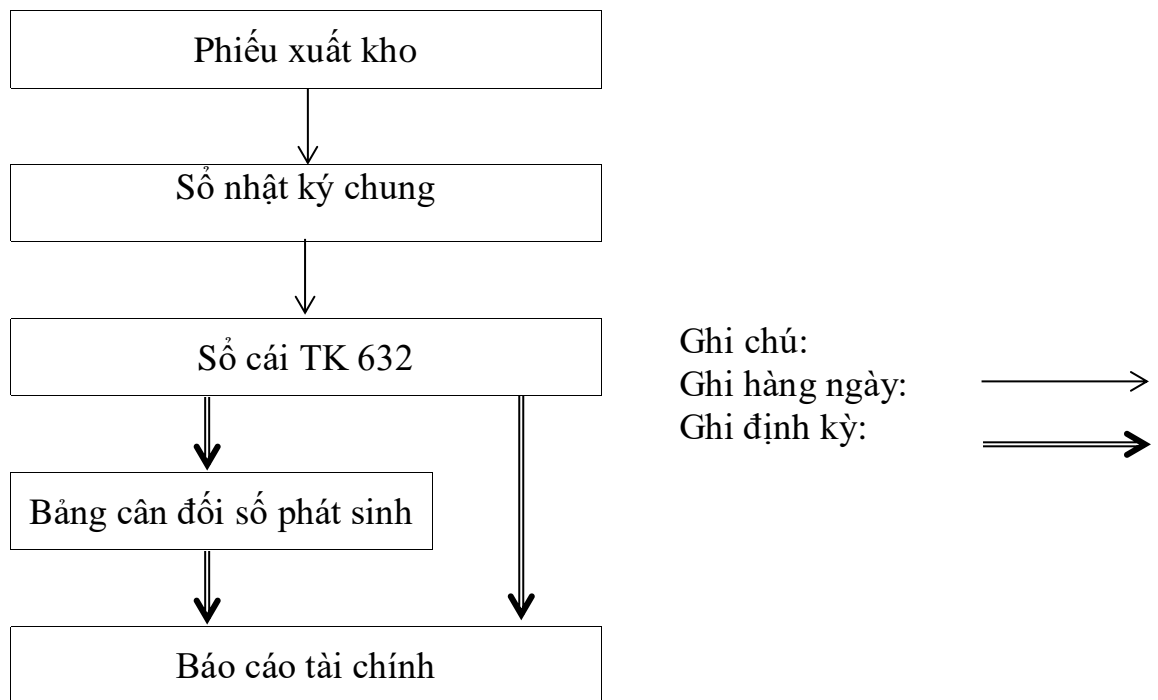
Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

- a. Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu xuất kho;
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- b. Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- c. Sổ sách kế toán:**
 - Sổ nhật ký chung;
 - Sổ cái TK 632.
- d. Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Ví dụ 01(tiếp): 04/09/2017 Xuất kho 5000 kg Tôn mạ màu bán cho Hùng Nam, khách hàng chưa thanh toán.(giá chưa VAT 27.500đ/kg).

Hàng tồn kho đầu tháng 9: $4.575 \text{ kg} \times 21.900\text{đ} = 100.192.500 \text{ đ}$

$20.311\text{kg} \times 21.600\text{đ} = 438.717.600 \text{ đ}$

01/09 nhập: $25.475\text{kg} \times 21.750\text{đ} = 554.081.250\text{đ}$

Kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước xuất trước(FIFO) :

Đơn giá xuất kho 5000kg tôn mạ màu bán cho Hùng Nam 04/09	=	(4.575x21.900)+(425x21.600)
	=	100.192.500 + 9.180.000
	=	109.372.500

Kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho 904. Căn cứ vào phiếu xuất kho 904 (Biểu 11) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 15):

Nợ TK 632 : 109.372.500

Có TK 156 : 109.372.500

Biểu 11: Phiếu xuất kho 170904

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02: VT
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 09 năm 2017

Số: 904

Nợ 632: 109.372.500

Có 156: 109.372.500

Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Hùng Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 5A, Bần Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho: Đức Thuận – 564 Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu	kg	4.575	4.575	21.900	100.192.500
2	Tôn mạ màu	kg	425	425	21.600	9.180.000
	Cộng			5000		109.372.500

-Tổng số tiền(viết bằng chữ): Một trăm lẻ chín triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày 04 tháng 09 năm 2017

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

(Hoặc bộ phận có nhu cầu tiếp nhận)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ví dụ 02(tiếp): 05/09/2017 Xuất kho 15.400 kg Tôn mạ màu bán cho Thủy Đức Thịnh, thanh toán bằng chuyển khoản. Giá chưa VAT 27.500/kg.

Hàng tồn kho cuối ngày 04/09: 19.886kg x 21.600đ = 429.537.600 đ

25.475kg x 21.750đ = 554.081.250 đ

Kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước xuất trước(FIFO) :

Đơn giá xuất kho 15400kg tôn mạ màu bán cho CK Thủy Đức Thịnh 05/09 = 15.400 x 21.600 = 332.640.000

Kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho 905. Căn cứ vào phiếu xuất kho 905 (Biểu 12) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 15):

Nợ TK 632 : 332.640.000

Có TK 156 : 332.640.000

Biểu 12: Phiếu xuất kho 905

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng			Mẫu số 02: VT (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)			
<h2 style="margin: 0;">PHIẾU XUẤT KHO</h2> <p style="margin: 0;">Ngày 05 tháng 09 năm 2017 Số: 905</p>					Nợ 632:332.640.000 Có 156:332.640.000	
Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH CK Thủy Đức Thịnh Địa chỉ: 45/5A Phạm Phú Thứ - Hạ Lý – Hồng Bàng Lý do xuất kho: Bán hàng Xuất tại kho: Đức Thuận – 564 Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng						
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu	kg	15.400	15.400	21.600	332.640.000
2						
	Cộng			15.400	21.600	332.640.000
-Tổng số tiền(viết bằng chữ): Ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng. -Số chứng từ gốc kèm theo						
Ngày lập phiếu		Ngày nhận hàng		Thủ kho		Ngày 05 tháng 09 năm 2017 Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu tiếp nhận)
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>

Ví dụ 03(tiếp):08/09/2017 bán 200kg tôn mạ màu cho anh Trần Lâm với giá 27.500đ/kg (chưa VAT), thu ngay bằng tiền mặt.

Hàng tồn kho cuối ngày 07/09: 4.486kg x 21.600đ = 96.897.600 đ

25.475kg x 21.750đ = 554.081.250 đ

Kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước xuất trước(FIFO) :

Đơn giá xuất kho 200kg tôn mạ màu = 200 x 21.600 = 4.320.000

Kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho. Căn cứ vào phiếu xuất kho 915 (Biểu 13) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 15)

Nợ TK 632 : 4.320.000

Có TK 156 : 4.320.000

Biểu 13: Phiếu xuất kho 915

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng		Mẫu số 02: VT (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)				
<h2 style="margin: 0;">PHIẾU XUẤT KHO</h2>						
Ngày 08 tháng 09 năm 2017 Số 915		Nợ 632: 4.320.000 Có 156: 4.320.000				
Họ tên người nhận hàng: Trần Lâm Địa chỉ: Lý do xuất kho: Bán hàng Xuất tại kho: Đức Thuận – 564 Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng						
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu	kg	200	200	21.600	4.320.000
2						
	Cộng			200	21.600	4.320.000
-Tổng số tiền(viết bằng chữ): Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng. -Số chứng từ gốc kèm theo ...						
Ngày lập phiếu		Ngày 08 tháng 09 năm 2017		Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu tiếp nhận)		Giám đốc
Người lập phiếu (Ký, họ tên)		Người nhận hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)

Biểu 14: Trích sổ chi tiết vật liệu dụng cụ

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S06-DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2017

Tài khoản: 156 Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Tôn mạ màu

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SDDK		21.300					21.369	455.159.700
.....
PXK 898	30/08	Bán hàng	131	21.900	7.300	159.870.000			4.575 20.311	100.192.500 438.717.600
PNK 831	01/09	Mua hàng	112	21.750	25.475	554.081.250			4.575 20.311 25.475	100.192.500 438.717.600 554.081.250
PXK 904	04/09	Bán hàng	632	21.900 21.600			4.575 425	100.192.500 9.180.000	19.886 25.475	429.537.600 554.081.250
PXK 905	05/09	Bán hàng	632	21.600			15.400	332.640.000	4.486 25.475	96.897.600 554.081.250
PXK 915	08/09	Bán hàng	111	21.600			200	4.320.000	4.286 25.475	92.577.600 554.081.250
.....
		Tổng	x	x	1.430.644	38.486.632.969	1.416.944	38.194.158.681	35.069	747.633.980

Ngày 31 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 15 : Trích sổ nhật ký chung

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....		
PNK831	01/09	Mua hàng	156	554.081.250	
			133	55.408.125	
			112		609.489.375
.....		
PXK 904	04/09	Xuất kho bán hàng	632	109.372.500	
			156		109.372.500
HD0000904	04/09	Bán hàng cho Hùng Nam	131	151.250.000	
			511		137.500.000
			3331		13.750.000
PXK905	05/09	Xuất kho bán hàng	632	332.640.000	
			156		332.640.000
HD0000905	05/09	Bán hàng cho CK Thủy Đức Thịnh	112	465.850.000	
			511		423.500.000
			3331		42.350.000
.....		
PXK915	08/09	Xuất kho bán hàng	632	4.320.000	
			156		4.320.000
HD0000915	08/09	Bán hàng	111	6.050.000	
			511		5.500.000
			3331		550.000
.....		
PXK925	18/09	Xuất kho bán hàng	632	293.435.650	
			156		293.435.650
.....		
		Tổng		576.429.271.317	576.429.271.317

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 15) kế toán ghi vào sổ cái TK632(Biểu 16):

Biểu 16: Trích sổ cái tài khoản 632

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....		
PXK904	04/09	Bán hàng	156	109.372.500	
PNK905	05/09	Bán hàng	156	332.640.000	
PNK915	08/09	Bán hàng	156	4.320.000	
.....		
PXK925	18/09	Bán hàng	156	293.435.650	
.....		
PKT32	31/12	Kết chuyển GVHB	911		83.759.119.915
		Cộng số phát sinh		83.759.119.915	83.759.119.915
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi;
- Hóa đơn GTGT;
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương;...

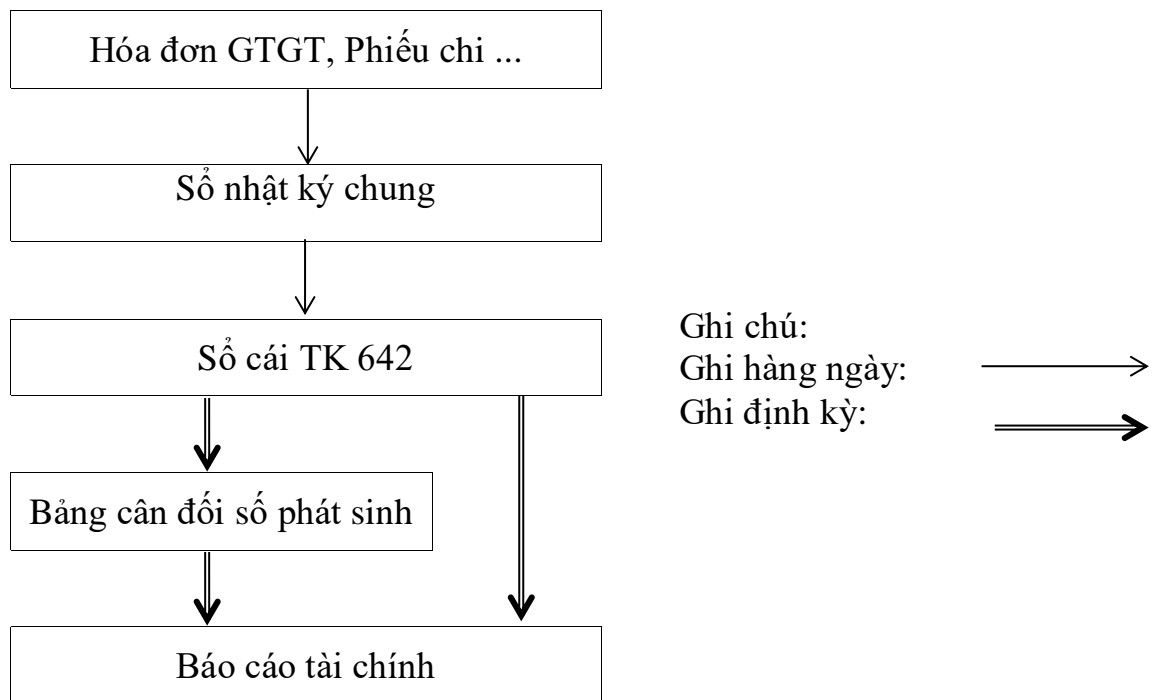
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái tài khoản 642.

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Ví dụ 04: Ngày 07/09/2017 Thanh toán tiền điện thoại phục vụ cho bộ phận bán hàng trả ngay bằng tiền mặt.


Căn cứ vào hóa đơn số 007628 (Biểu 17) và phiếu chi 35(Biểu 18) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 21):

Nợ TK 6421: 2.315.406

Nợ TK 133 : 231.540

Có TK 1111: 2.546.946

Biểu 17: Hóa đơn 0007628

 <p>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)</p>						Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AB/17P Số: 0007628
Viễn thông thành phố Hải Phòng Mã số thuế: Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng						
Tên khách hàng: Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận Địa chỉ: 564 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng. Số thuê bao: 0313857542 Hình thức thanh toán: THU TẠI NHÀ MST: 0201114737						
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=5x4	
01	Cước dịch vụ viễn thông Trả cước tháng 9 năm 2017				2.315.406	
Thuế suất GTGT/VAT: 10%					Cộng tiền hàng: 2.315.406 Tiền thuế GTGT: 231.540 Tổng cộng tiền thanh toán 2.546.946	
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng .						
Người nộp tiền ký				Ngày 07 tháng 09 năm 2017 Nhân viên giao dịch ký		

Biểu 18: Phiếu chi

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 07 tháng 09 năm 2017

Quyển số: 03
Số: 035
Nợ 6421: 2.315.406
Nợ 133 : 231.540
Có 1111: 2.546.946

Họ và tên người nhận tiền:
Địa chỉ: Viễn thông VNPT Hải Phòng.
Lý do chi: Trả tiền điện thoại
Số tiền: 2.546.946

(Viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 09 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

Ví dụ 05: Ngày 21/09/2017 Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.210.000 (Chưa thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn 0009735 (Biểu 19) và phiếu chi 170921(Biểu 20) kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 21):

Nợ TK 6422: 1.210.000

Nợ TK 133 : 121.000

Có TK 1111: 1.331.000

Biểu 19: Hóa đơn GTGT 0009735

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho khách hàng				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Ngày 21 tháng 09 năm 2017				Ký hiệu: AA/17P	
				Số: 0009735	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM & DV Minh Huy					
Mã số thuế: 0201128715			Điện thoại: 0313568828		
Địa chỉ: Số 14 Lô 22 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận					
Mã số thuế: 0201114737			Điện thoại: 0313857542		
Địa chỉ: 564 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
01	Giấy in A4 ĐL 80/90	Thùng	10	82.500	825.000
02	Cặp còng Kokuyo 5F	Cái	07	40.000	280.000
03	Bút nhớ Faber	Chiếc	10	5.000	50.000
04	Ghim dập 24/6	Hộp	10	5.500	55.000
Cộng tiền hàng:					1.210.000
Thuế suất GTGT/VAT: 10%					Tiền thuế GTGT: 121.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.331.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng.....					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 20: Phiếu chi

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

Quyển số: 03

Số: 051

Nợ 6422: 1.210.000

Nợ 133 : 121.000

Có 1111: 1.331.000

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 09 năm 2017

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ: Số 14 Lô 22 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Lý do chi: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.331.000

(Viết bằng chữ): Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

Biểu 21: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....		
PC35/03	07/09	Trả tiền điện thoại	6421	2.315.406	
			133	231.540	
			1111		2.546.946
.....			
PC51/03	21/09	Mua văn phòng phẩm	6422	1.210.000	
			133	121.000	
			1111		1.331.000
.....			
BPBL&BH	30/09	Tính ra lương phải trả cho toàn công ty	642	93.718.256	
			334		93.718.256
.....			
		Tổng		576.429.271.317	576.429.271.317

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 21) kế toán ghi vào sổ cái TK642(Biểu 22):

Biểu 22: Trích sổ cái tài khoản 642

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
.....		
PC35/03	07/09	Trả tiền điện thoại	1111	2.315.406	
.....		
PC51/03	21/09	Mua văn phòng phẩm	1111	1.210.000	
.....		
BPBL&BH	30/09	Tính ra lương phải trả	334	93.718.256	
.....		
PKT32	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911		1.903.301.991
		Cộng số phát sinh		1.903.301.991	1.903.301.991
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

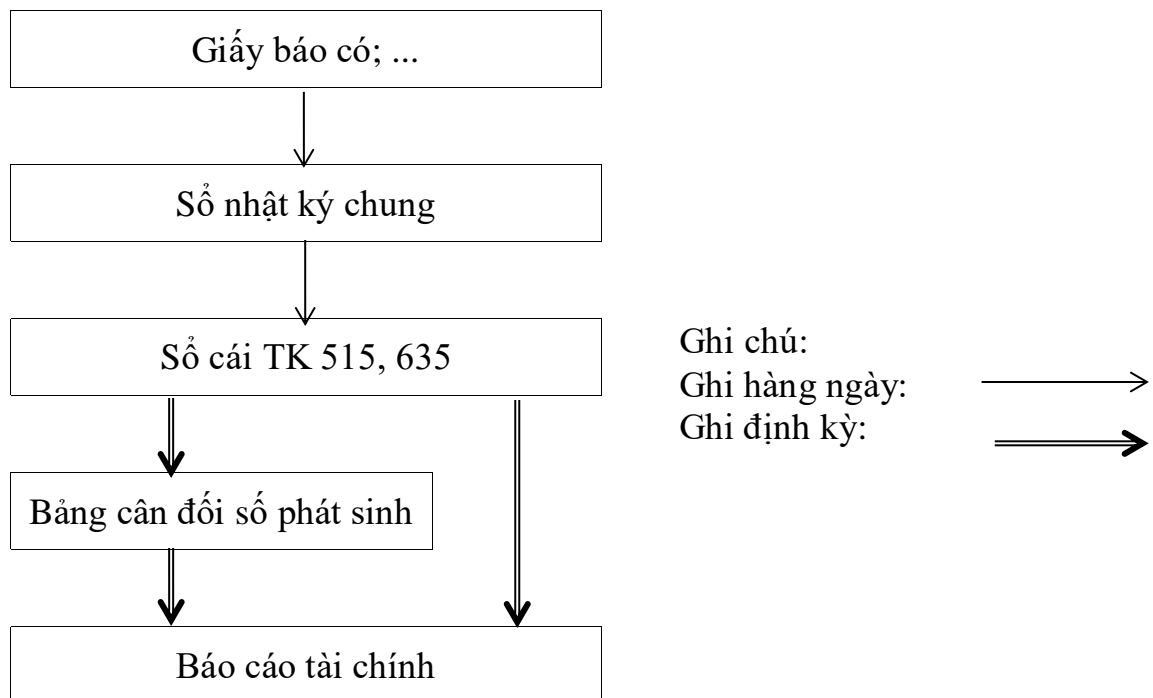
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng do các khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

- a. Chứng từ sử dụng:**
 - Giấy báo có; Giấy báo nợ
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- b. Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.
- c. Sổ sách kế toán:**
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 515, 635.
- d. Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Ví dụ 06: 25/09/2017 Nhận được lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9 năm 2017.

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu 23) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 25)

Nợ TK 112: 445.316

Có TK 515: 445.316

Biểu 23: Giấy báo có

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh 16433 CN LÊ CHÂN PGD KHU CN VSIP



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25 tháng 9 năm 2017

Kính gửi: CÔNG TY CPXD THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN

Mã số thuế: 0201114737

Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo tài khoản của quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 111000063736

Số tiền bằng số: 445.316

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm mười sáu đồng.

Nội dung: Trả lãi tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 07: 25/09/2017 Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietinbank tháng 9 năm 2017.

Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu 24) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 25)

Nợ TK 635: 21.716.550

Có TK 112: 21.716.550

Biểu 24: Giấy báo nợ

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh 16433 CN LÊ CHÂN PGD KHU CN VSIP



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25 tháng 9 năm 2017

Kính gửi: CÔNG TY CPXD THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN
Mã số thuế: 0201114737

Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo tài khoản của quý khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ: 111000063736

Số tiền bằng số: 21.716.550

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm mươi năm đồng.

Nội dung: Trả lãi tiền vay

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 25: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....		
GBC	25/09	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9	112	445.316	
			515		445.316
GBN	25/09	Trả lãi tiền vay ngân hàng tháng 9	635	21.716.550	
			112		21.716.550
.....		
GBC	25/10	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng tháng 10	112	614.025	
			515		614.025
GBN	25/10	Trả lãi tiền vay ngân hàng tháng 10	635	20.281.311	
			515		20.281.311
.....		
		Tổng		576.429.271.317	576.429.271.317

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 25) kế toán ghi vào sổ cái TK515 (Biểu 26) và sổ cái TK 635 (Biểu 27):

Biểu 26 : Trích sổ cái tài khoản 515

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....		
GBC	25/09	Nhận lãi tiền gửi tháng 9	112		445.316
.....		
GBC	25/10	Nhận lãi tiền gửi tháng 10	112		614.025
.....		
PKT31	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	911	33.609.433	
		Cộng số phát sinh		33.609.433	33.609.433
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 27: Trích sổ cái tài khoản 635

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....		
GBN	25/09	Trả lãi tiền vay tháng 9	112	21.716.550	
.....		
GBN	25/10	Trả lãi tiền vay tháng 10	112	20.281.311	
.....		
PKT 32	31/12	Kết chuyển CPTC	911		268.875.467
		Cộng số phát sinh		268.875.467	268.875.467
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

a. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có;
- Chứng từ khác có liên quan.

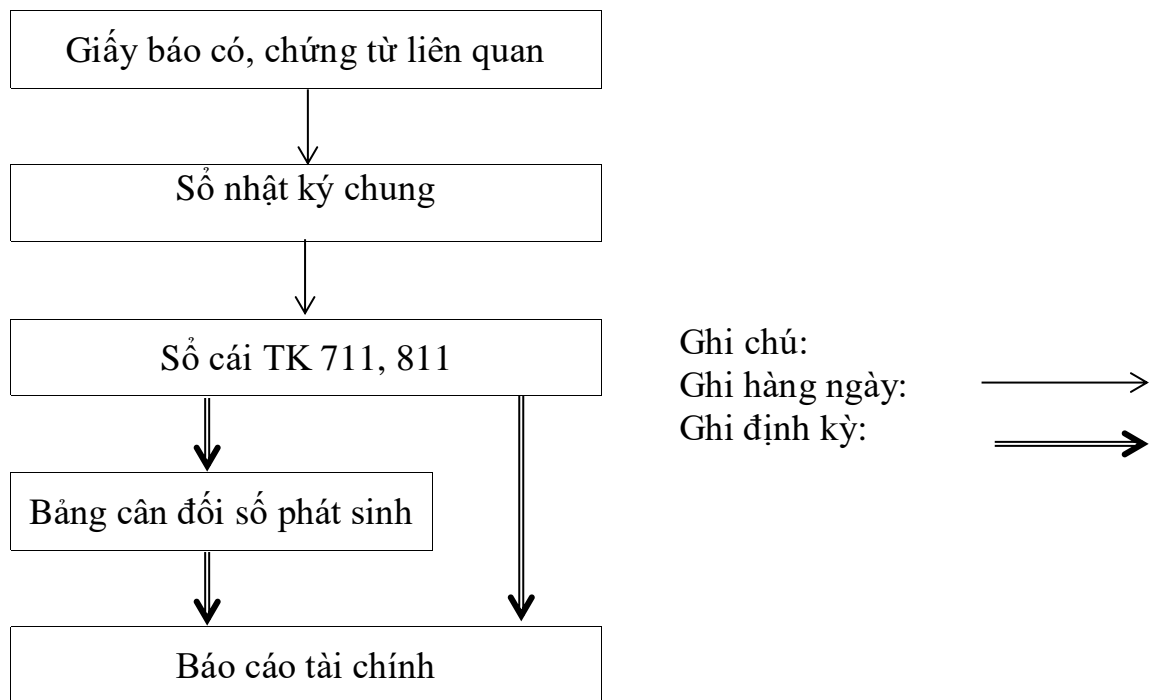
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác.
- Tài khoản 811 – Chi phí khác.

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, 811

d. Phương pháp hạch toán:



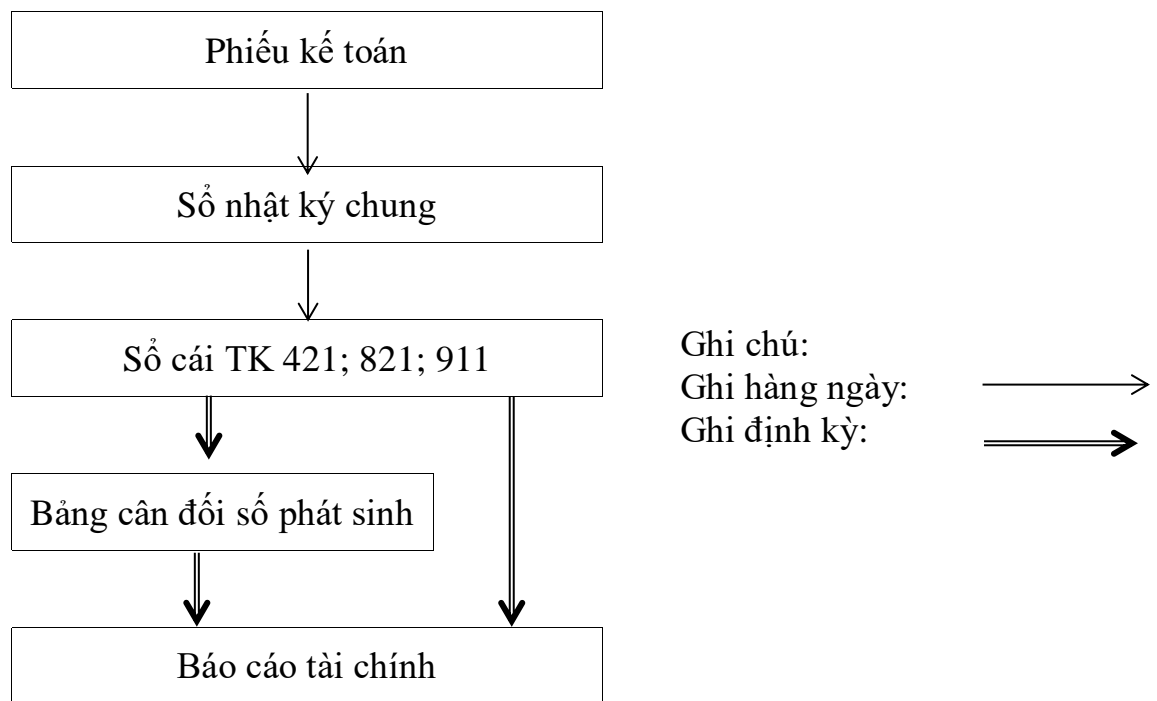
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí khác tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Trong năm 2017, Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận không phát sinh nghiệp vụ nào về thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.4 Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận.

Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

- a. **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- b. **Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
 - Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- c. **Sổ sách kế toán:**
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 421; 821; 911
- d. **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận

Ví dụ 08: 31/12/2017 Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán(Biểu 28, 29, 30, 31, 32).

Từ phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 33).

Biểu 28: Phiếu kế toán

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng Mã số thuế: 0201114737				
PHIẾU KẾ TOÁN Số: 31 Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
STT	Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển DTBH&CCDV	511	911	88.559.018.730
2	Kết chuyển DT HĐTC	515	911	33.609.433
	Cộng			88.592.628.163
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Biểu 29: Phiếu kế toán

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
 Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201114737

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	83.759.119.915
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	268.875.467
3	Kết chuyển CPQLKD	911	642	1.903.301.991
	Cộng			85.931.297.373

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 30: Phiếu kế toán

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
 Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201114737

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	532.266.158
2				
	Cộng			532.266.158

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 31: Phiếu kế toán

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
 Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201114737

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số: 34
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	532.266.158
2				
	Cộng			532.266.158

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 32: Phiếu kế toán

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
 Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201114737

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số: 35
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi	911	421	2.129.064.632
2				
	Cộng			2.129.064.632

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 33: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....		
PKT31	31/12	Kết chuyển DTBH	511	88.559.018.730	
			911		88.559.018.730
PKT31	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	33.609.433	
			911		33.609.433
PKT32	31/12	Kết chuyển GVBH	911	83.759.119.915	
			632		83.759.119.915
PKT32	31/12	Kết chuyển CPTC	911	268.875.467	
			635		268.875.467
PKT32	31/12	Kết chuyển CP QLKD	911	1.903.301.991	
			642		1.903.301.991
PKT33	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	821	532.266.158	
			3334		532.266.158
PKT34	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	532.266.158	
			821		532.266.158
PKT35	31/12	Kết chuyển lãi	911	2.129.064.632	
			421		2.129.064.632
		Tổng		576.429.271.317	576.429.271.317

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 33) kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu 34)
Sổ cái TK 821(Biểu 35), Sổ cái TK 421(Biểu 36)

Biểu 34: Trích sổ cái tài khoản 911

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT31	31/12	Kết chuyển DTBH	511		88.559.018.730
PKT31	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		33.609.433
PKT32	31/12	Kết chuyển GVHB	632	83.759.119.915	
PKT32	31/12	Kết chuyển CPTC	635	268.875.467	
PKT32	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	1.903.301.991	
PKT34	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	532.266.158	
PKT35	31/12	Kết chuyển lãi	421	2.129.064.632	
		Cộng số phát sinh		88.592.628.163	88.592.628.163
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 35: Trích sổ cái tài khoản 821

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT33	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	532.266.158	
PKT34	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911		532.266.158
		Cộng số phát sinh		532.266.158	532.266.158
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 36: Trích sổ cái tài khoản 421

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			2.584.074.065
...		
PKT35	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		2.129.064.632
		Cộng số phát sinh		2.584.074.065	2.129.064.632
		<u>Số dư cuối năm</u>			2.129.064.632

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty CPXD thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		88.559.018.730	98.875.676.982
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		88.559.018.730	98.875.676.982
4.Giá vốn hàng bán	11		83.759.119.915	93.368.633.880
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.799.898.815	5.507.043.102
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		33.609.433	7.871.524
7.Chi phí tài chính	22		268.875.467	377.459.155
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		268.875.467	377.459.155
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.903.301.991	2.445.182.400
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		2.661.330.790	2.692.273.071
10.Thu nhập khác	31			537.819.510
11.Chi phí khác	32			
12.Lợi nhuận khác(40=31-32)	40			537.819.510
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		2.661.330.790	3.230.092.581
14.Chi phí thuế TNDN	51		532.266.158	646.018.516
15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	60		2.129.064.632	2.584.074.065

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Vũ Thị Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Yến

Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Huyền

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC THUẬN.

3.1 Đánh giá chung công tác kế toán.

Qua tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận em nhận thấy:

- **Ưu điểm:**

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty. Bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ thu thập thông tin một cách nhanh chóng; phân công lao động cụ thể cho từng kế toán. Mọi phần hành kế toán đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ. Các kế toán định kỳ kiểm tra, đối chiếu số liệu đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của công ty.
- Ban lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong công ty. Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có trách nhiệm với công việc.
- Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty.
- Tài liệu có sự tập trung, thống nhất, ghi chép, lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.
- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh và theo dõi theo trình tự thời gian. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới doanh thu được cập nhập hàng ngày, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu; Các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới chi phí được phản ánh cẩn thận, kịp thời tránh tình trạng lãng phí.
- Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã cung cấp cho ban lãnh đạo thông tin liên quan tới tình hình kinh doanh của công ty. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty đưa ra đường lối kinh doanh đúng đắn nhất.

- **Hạn chế:**

- Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.
- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Công ty sử dụng máy tính để lưu trữ số liệu nhưng vẫn chỉ là phần mềm Word, Excel vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán riêng cho công tác kế toán.

3.2 Một số giải pháp.

3.2.1 Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

- *Chiết khấu thanh toán* là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.
- *Lý do:* Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để kích thích khách hàng trả nợ sớm. Tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn trong thời gian dài.
- *Cách thức tiến hành:* Chiết khấu thanh toán là tính trên số tiền thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT). Không được ghi khoản chiết khấu thanh toán trên hóa đơn bán hàng để giảm giá. Đây là một khoản chi phí tài chính doanh nghiệp bán chấp nhận chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi để trả khoản chiết khấu thanh toán. Người mua lập phiếu thu để nhận khoản chiết khấu thanh toán được hưởng. Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hiệu quả công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu cho khách hàng dựa trên:
 - + Tỷ lệ lãi vay ngân hàng.
 - + Thời gian thanh toán tiền hàng.
 - + Tham khảo mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại.
- *Phương pháp hạch toán:*
 - + Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:
 - Nợ TK 635: Chi phí tài chính
 - Có TK 131: (Nếu trừ luôn vào khoản phải thu)
 - Có TK 111, 112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)
 - + Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911:
 - Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - Có TK 635: Chi phí tài chính
- *Công ty có thể tham khảo mức chiết khấu thanh toán sau:*

Thanh toán trước	1-15 ngày	16-30 ngày	>30 ngày
Mức CK được hưởng / tháng	0.5%	0.7%	0.9%

Ví dụ: Theo sổ chi tiết TK131 (Biểu 09) đối tượng là công ty TNHH thương mại và sản xuất Hùng Nam. Đối với hợp mua bán hàng hóa Số 307/2017/HĐMB04/09/2017, hóa đơn GTGT0000904 Ngày 04/09/2017 công ty bán cho Hùng Nam 5000kg Tôn mạ màu với tổng số tiền thanh toán là 151.250.000đ (bao gồm cả VAT 10%). Theo hợp đồng bán hàng này công ty TNHH TM&SX Hùng Nam có thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày công ty giao hàng. Ngày 15/09/2017 công ty TNHH TM&SX Hùng Nam chuyển khoản 151.250.000đ thanh toán tiền hàng hóa đơn GTGT0000904

Như vậy công ty TNHH TM&SX Hùng Nam thanh toán trước thời hạn 33 ngày cho nên được hưởng chiết khấu thanh toán:

$$\begin{aligned}
 & (151.250.000 \times 0.9\%) + \left(\frac{151.250.000 \times 0.9\%}{30} \times 3 \right) \\
 = & \quad 1.361.250 \quad + \quad 136.125 \\
 = & \quad 1.497.375
 \end{aligned}$$

Kế toán định khoản: Nợ TK 635: 1.497.375

Có TK 112: 1.497.375

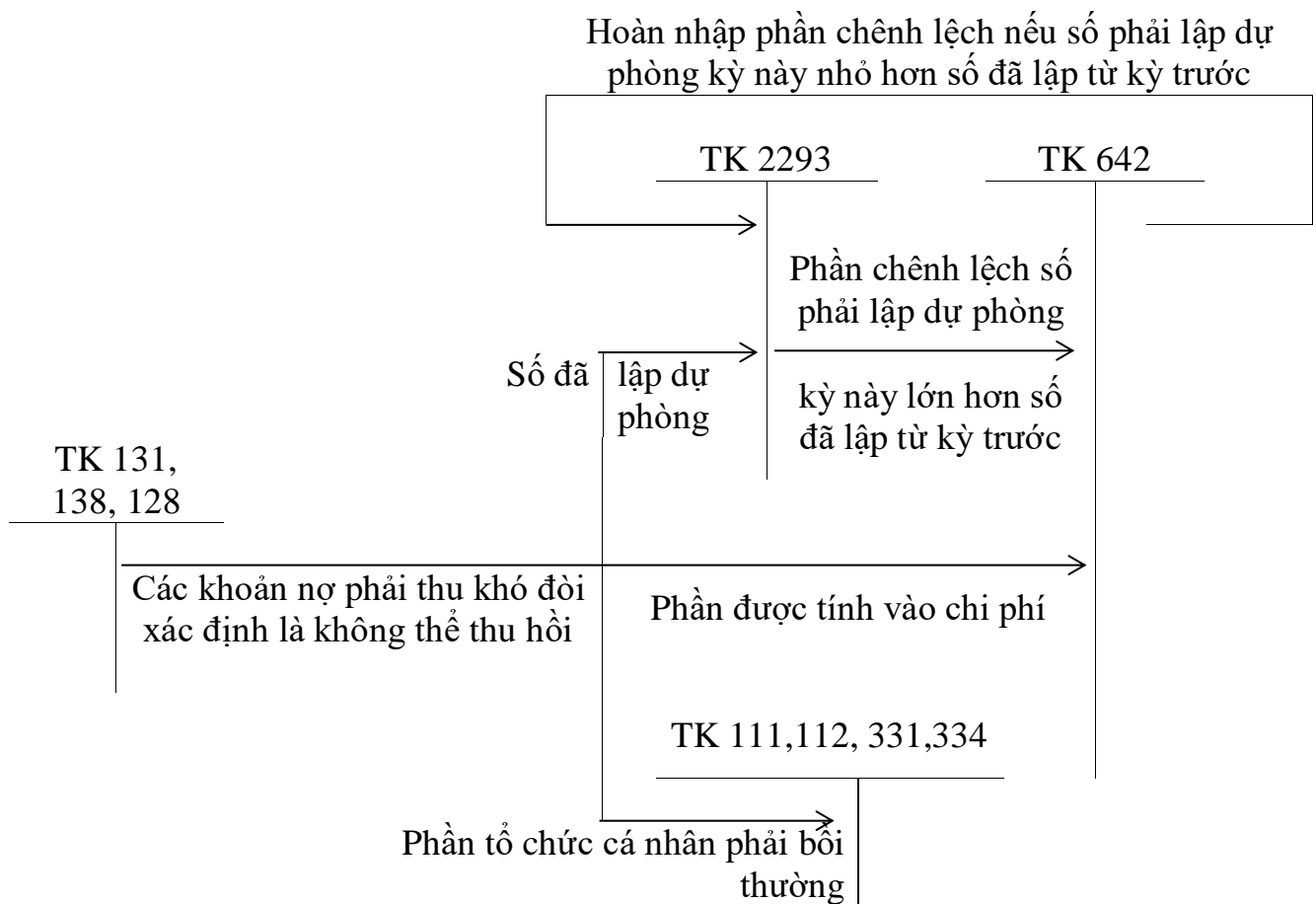
3.2.2 Giải pháp 2: Thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- *Lý do:* Để đề phòng hạn chế tổn thất về các khoản nợ phải thu khó đòi có thể xảy ra đồng thời đảm bảo giữa việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kỳ thì cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí quản lý kinh doanh của năm báo cáo.
- *Điều kiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*
 - Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác có liên quan.
 - Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:
 - + Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán (Tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được.
 - + Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Dự phòng phải thu} & & \text{Nợ phải thu} & & \text{Số \% có} \\ \text{khó đòi cần lập} & = & \text{khó đòi} & \times & \text{khả năng mất} \end{array}$$

- *Mức trích lập (theo Thông tư 228/2009/TT-BTC):*
 - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
 - + Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản hoặc đã và đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Ví dụ: Dựa vào bảng theo dõi công nợ phải thu (Biểu 38)

Ngày 11/04/2017 anh Trần Văn có mua hàng của công ty chưa thanh toán số tiền 13.523.000đ thời hạn nợ tối đa 30 ngày. Doanh nghiệp đã nhiều lần đòi nợ nhưng khách hàng chưa có khả năng thanh toán. Đến 31/12/2017 khoản nợ đã quá hạn thanh toán hơn 7 tháng nên công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản nợ này.

Số dự phòng cần trích lập: $13.523.000 \times 30\% = 4.056.900$ (đồng)

Kế toán định khoản: Nợ TK 642 : 4.056.900

Có TK 2293 : 4.056.900

Biểu 38: Bảng theo dõi công nợ phải thu

Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận
Số 167A Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG THEO DÕI CÔNG NỢ PHẢI THU
Năm 2017

Mã KH	Tên khách hàng	Thời điểm phát sinh khoản nợ	Hạn thanh toán	Tuổi nợ	Số tiền phải thu	Số tiền đã thu	Số tiền còn phải thu
....
TH	Thiên Hương	21/03/2017	06/05/2017	7 tháng 16 ngày	131.459.700	100.000.000	31.459.700
KH-02	Trần Văn	11/04/2017	11/05/2017	7 tháng 21 ngày	13.523.000	0	13.523.000
....
	Tổng cộng				15.362.367.384	11.764.130.185	3.598.237.199

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3 Giải pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do:* Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận có sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách nhưng vẫn là phần mềm Word, Excel. Đó không phải là phần mềm kế toán chuyên dụng vậy nên việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện các phần hành kế toán vẫn tốn nhiều thời gian và nhân lực.
- *Mục tiêu:* Lưu trữ tài liệu một cách hệ thống; Tiết kiệm thời gian và nhân lực trong công việc tổng hợp, đối chiếu, lập báo cáo; Kiểm soát, xử lý, cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, chính xác.
- *Cách thức tiến hành:* Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, CYBER, ACOUTING, ADSOFT ... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp và uy tín để hỗ trợ cho công tác kế toán có hiệu qur cao nhất. Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán sau: MISA, Fast Accounting, CeAC...

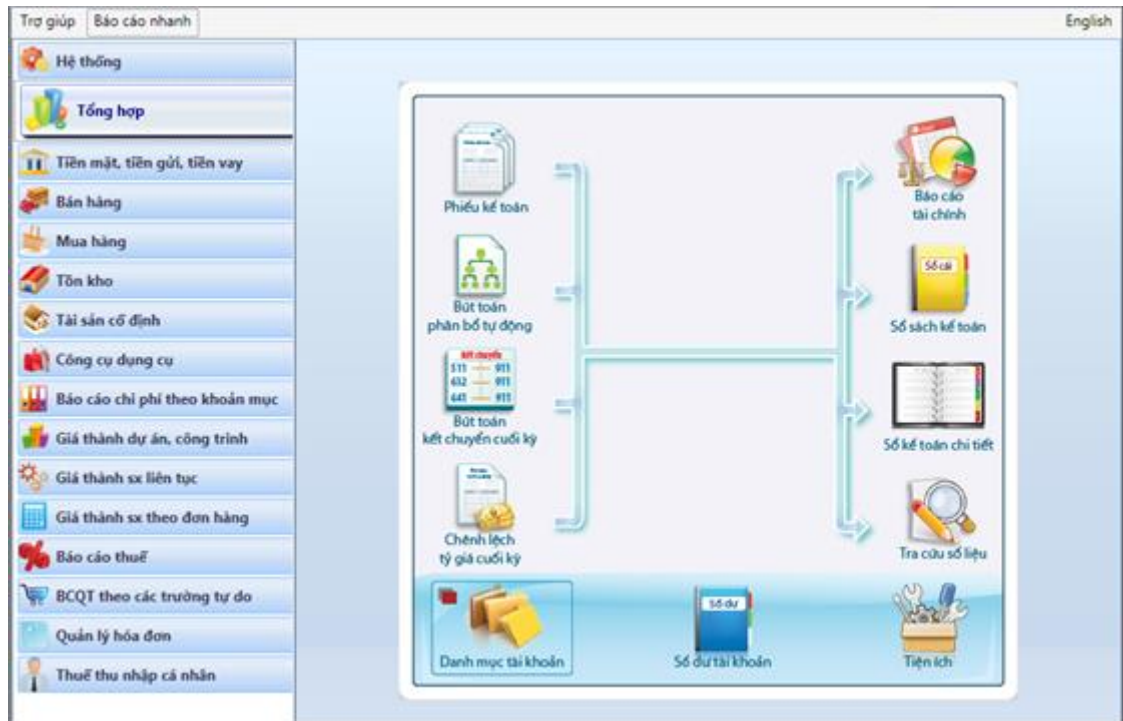
Phần mềm kế toán MISA: <http://www.misa.com.vn>

Đây là loại phần mềm quản lý kế toán thông dụng được nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ mới, giao diện dễ sử dụng cho phép nhà quản lý tùy chỉnh một cách dễ dàng. Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



Phần mềm kế toán Fast Accounting: <http://fast.com.vn>

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Luôn cập nhập các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế. Đây là phần mềm kế toán có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả. Để biết thêm thông tin về phần mềm kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có vị trí và vai trò rất quan trọng trong quá trình kinh doanh tiêu thụ và công tác quản lý của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài khóa luận đã nêu những vấn đề cơ bản sau:

1. Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.
2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận. Đồng thời sử dụng số liệu của năm 2017 để mô tả các ví dụ cụ thể.
3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận: áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán; trích lập dự phòng nợ thu khó đòi; áp dụng phần mềm kế toán.

Mặc dù có sự nỗ lực của bản thân, sự tận tình giúp đỡ của các chị phòng kế toán công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận, sự hướng dẫn của thầy Trương nhưng do thời gian có hạn, những hạn chế về mặt kiến thức của bản thân nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Kính mong các Thầy, các Cô nhận xét và chỉ bảo để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy Phạm Văn Trương và toàn thể nhân viên phòng kế toán tại công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 02 tháng 06 năm 2018

Sinh viên

Phạm Thị Thùy

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB LĐXH.
2. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2009), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.
3. Phan Đức Dũng (2009), *Bài tập kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. Nguyễn Văn Công (2008), *Lý thuyết và thực hành KTTTC*, NXB Tài chính.
5. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn*.
6. Website Bộ tài chính www.mof.gov.vn
7. Công ty cổ phần xây dựng thương mại và đầu tư Đức Thuận. Tài liệu, sổ sách kế toán công ty (2017).